CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Số: 351 /2016/CV-BSC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK

**Kính gửi:** - **Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội**
- **Ủy Ban Giám sát Tài chính Quốc Gia**

| | |
|---|---|
| Công ty: | Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| Mã chứng khoán: | BSI |
| Trụ sở chính: | Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Điện thoại: | 04.393.52722 |
| Fax: | 04.22200669 |
| Người thực hiện công bố thông tin: | Ông Lê Quang Huy |
| Địa chỉ: | Tầng 1, 10, 11 Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Điện thoại: | 04.393.52722 (205) |
| Fax: | 04.22200669 |
| Loại thông tin công bố: | ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ |
| Nội dung công bố thông tin: | Báo cáo thường niên năm 2015 |

- Thông tin này đã được công bố trên **trang thông tin điện tử của công ty** vào ngày 15/04/2016 tại đường dẫn:

Tiếng Việt: https://www.bsc.com.vn/BSCNews/2016/4/15/502683.aspx

Tiếng Anh: https://www.bsc.com.vn/BSCNews/2016/4/15/502684.aspx

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 15 tháng 4 năm 2016
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam

Digitally signed by CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam
DN: cn=CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam, o=VN, l=Tầng 1-10-11 tháp BIDV - 35 Hàng Vôi - Hoàn Kiếm - Hà Nội, s=MST:0101003060, ou=CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam, ou=Ko BH,KKT, email=bsi@bsc.com.vn
Date: 2016.04.16 17:45:20 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
S.G.P - T.C.P - HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Huy

BSC

# 2015

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

**Tên viết tắt:** BSC

**Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số:** 111/GP-UBCK

**Vốn điều lệ:** 865.000 triệu đồng

**Vốn chủ sở hữu:** 869.135 triệu đồng

**Trụ sở chính:** Tầng 1, tầng 10, tầng 11, Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội

**Chi nhánh:** Tầng 9, Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

**Số điện thoại:** 84-4 39352722 / 84-8 38128885

**Số fax:** 84-4 22200669 / 84-8 38128510

**Website:** www.bsc.com.vn

**Mã cổ phiếu:** BSI

**Ngành nghề:** BSC là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoạt động với đầy đủ các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | | Giải nghĩa |
|---|---|---|
| ACV | : | Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam |
| ASEAN | : | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| BIC | : | Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam |
| BIDV | : | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| BKS | : | Ban Kiểm Soát |
| BRIC | : | Những nước có nền kinh tế mới nổi |
| BSC | : | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam |
| CBNV | : | Cán bộ nhân viên |
| CN | : | Chi nhánh |
| CNTT | : | Công nghệ thông tin |
| CP | : | Cổ phiếu |
| CPI | : | Chỉ số giá tiêu dùng |
| CSR | : | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp |
| CTCK | : | Công ty chứng khoán |
| DNNY | | Doanh nghiệp niêm yết |
| DVCK | : | Dịch vụ chứng khoán |
| ĐHĐCĐ | : | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐHT | : | Điểm hỗ trợ |
| ĐTN | : | Đoàn Thanh Niên |
| FATCA | : | Đạo luật tuân thủ thuế đối với các chủ tài khoản nước ngoài |
| FDI | : | Đầu tư trực  tiếp nước ngoài |
| FED | : | Cục dữ trữ liên bang (Mỹ) |
| FIA | : | Cục đầu tư nước ngoài |
| FOMC | : | Ủy ban thị trường mở (Mỹ) |
| FTAs | : | Các hiệp định thương mại tự do |
| GDCK | : | Giao dịch chứng khoán |
| GDP | : | Tổng sản phẩm quốc nội |
| GIIN | : | Số định danh đại lý thuế toàn cầu của Mỹ |
| GSO | : | Tổng cục thống kê Việt Nam |
| HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| HNX | : | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội |
| HOSE | : | Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| HS | : | Hội sở |
| HSX | : | Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| IIP | : | Chỉ số sản xuất công nghiệp |
| IMAA | : | Viện Hợp nhất, Mua lại và Liên kết. |
| IPO | : | Phát hành lần đầu ra công chúng |
| KD | : | Kinh doanh |
| KH | : | Khách hàng |

| Từ viết tắt | | Giải nghĩa |
|---|---|---|
| KHTC | : | Khách hàng tổ chức |
| KPI | : | Chỉ số đánh giá hiệu quả chính |
| M&A | : | Mua bán và sát nhập |
| MTV | : | Một thành viên |
| NĐT | : | Nhà đầu tư |
| PMI | : | Chỉ số nhà quản trị mua hàng |
| PTSP | : | Phát triển sản phẩm |
| QTRR | : | Quản trị rủi ro |
| TC | : | Tổ chức |
| TM | : | Thương mại |
| TMCP | : | Thương mại cổ phần |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| TPP | : | Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương |
| TTCK | : | Thị trường chứng khoán |
| TVĐT | : | Tư vấn đầu tư |
| UBCKNN | : | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VAMC | : | Công ty quản lý tài sản Việt Nam |
| VNĐ | : | Việt Nam Đồng |
| VSD | : | Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam |

# THÔNG TIN CHUNG

## Quá trình hình thành và phát triển

**Năm 1999**

Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam

**Năm 2010**

Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng.

Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần.

**Năm 2011**

Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới.

Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

**Năm 2013**

Năm 2013, BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả hai Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh).

Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu  thị phần môi giới trái phiếu Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Năm 2014 & 2015**

Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là thương vụ như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.

Chính thức hết lỗ lũy kế vào năm 2015, là năm phục hồi lấy lại vị thế, từng bước đi lên, lấy lại danh tiếng vốn có trên thị trường từ năm 2000.

## Danh hiệu đạt được

**Năm 2005:** Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).

**Năm 2009:** Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.

**Năm 2010:** Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.

**Năm 2011:** Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.

**Năm 2014:**

- Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013
- Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.
- Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014.

**Năm 2015:**

- Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn
- Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn
- Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương
- Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đấu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương
- Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh nằm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình

## Tình hình tài chính tiêu biểu

| | 2014 | 2015 | % Tăng/giảm |
|---|---|---|---|
| BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN (triệu đồng) | | | |
| Tổng tài sản | 1.843.235 | 2.391.160 | 29,7% |
| Tài sản ngắn hạn | 1.806.730 | 2.353.476 | 30,3% |
| Tài sản dài hạn | 36.505 | 37.684 | 3,2% |
| Vốn điều lệ | 865.000 | 865.000 | 0,0% |
| Vốn chủ sở hữu | 767.907 | 869.135 | 13,2% |
| KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu đồng) | | | |
| Tổng doanh thu | 531.154 | 465.294 | -12,4% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 75.677 | 101.491 | 34,1% |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | 75.677 | 101.491 | 34,1% |
| CÁC CHỈ TIÊU KHÁC (%) | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 98,05% | 98,16% | 0,1% |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 1,95% | 1,84% | -5,6% |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 58,34% | 63,65% | 9,1% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 41,66% | 36,35% | -12,7% |
| Tỷ suất lợi nhuận (%) | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 4,09% | 4,24% | 3,7% |
| Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) | 9,82% | 11,68% | 18,9% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 8,71% | 11,73% | 34,7% |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 14,20% | 21,81% | 53,6% |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) | 875 | 1.173 | 34,1% |

## Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

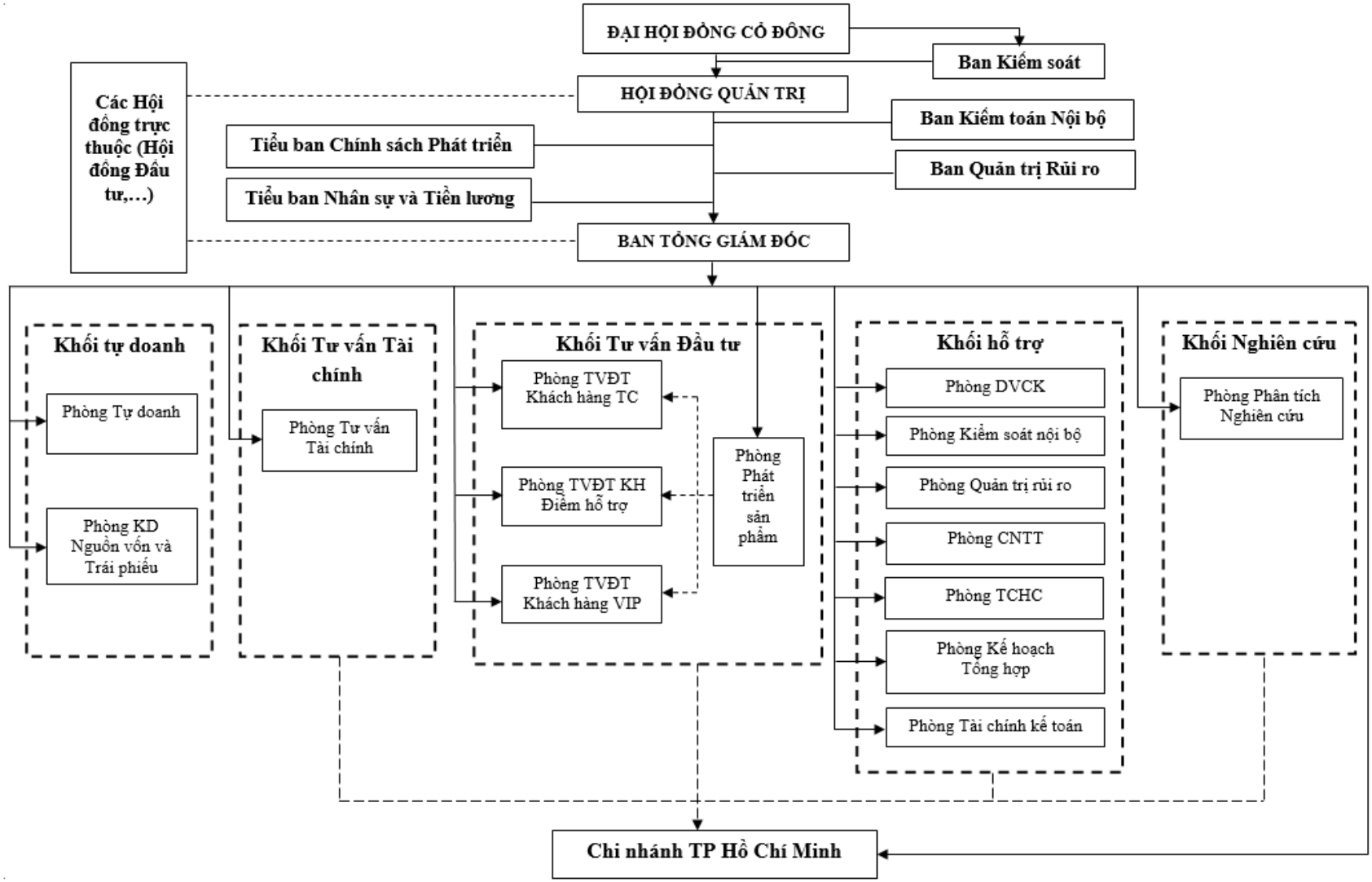

# TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## Hội đồng Quản trị

**Ông Đoàn Ánh Sáng**
**Sinh năm 1961.**
**Chủ tịch HĐQT**

**Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.**
**Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 1983 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV.**
**Được bầu làm chủ tịch HĐQT BSC từ ngày 26/7/2014.**
**Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%**
**Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 35,25%**

**Ông Đỗ Huy Hoài**
Sinh năm 1963
Phó chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC.
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024%
Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,43%

**Ông Lê Ngọc Lâm**
Sinh năm 1975
Ủy viên HĐQT

Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 10/1997 và hiện đang là Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 11/04/2014.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%
Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 13,22 %

**Ông Nguyễn Thiều Sơn**
Sinh năm 1975
Ủy Viên HĐQT

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV và các Công ty thuộc BIDV từ năm 1997, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Quản lý đầu tư BIDV.
Được bầu bổ sung tạm thời làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 18/11/2015.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%
Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 13,22 %

## Ban Kiểm soát

**Bà Phạm Thanh Thủy**
Sinh năm 1974
Trưởng Ban Kiểm Soát

Thạc sỹ kinh tế
Công tác tại BIDV từ năm 1995, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV.
Được bầu làm trưởng BKS BSC ngày 11/04/2015
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%

**Bà Hoàng Thị Hương**
Sinh năm 1974
Thành viên Ban kiểm soát

Thạc sỹ kinh tế
Công tác tại BIDV từ năm 1997, hiện đang là Phó Giám đốc Ban Kiểm tra và giám sát BIDV.
Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 17/12/2010.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%

**Ông Trần Minh Hải**
Sinh năm 1973
Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân Tài chính ngân hàng
Công tác tại BIDV từ năm 1997; công tác tại BSC từ năm 1999 và hiện đang là Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ BSC
Được bầu làm thành viên BKS BSC ngày 31/07/2011
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,005%

## Ban Điều hành

**Ông Đỗ Huy Hoài**
Sinh năm 1963
Phó chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/1988. Công tác tại BSC từ năm 2007 và hiện đang là Tổng Giám đốc BSC.
Được bầu làm thành viên HĐQT BSC từ ngày 17/12/2010.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,0024%
Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện: 26,43%

**Bà Trần Thị Thu Thanh**
Sinh năm 1975
Phó Tổng Giám đốc

Cử nhân Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ năm 1998. Công tác tại BSC từ năm 2007.
Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BSC từ ngày 01/04/2008
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,01%

**Ông Lê Quang Huy**
Sinh năm 1978
Phó Tổng Giám Đốc

Cử nhân Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:
Công tác tại BIDV từ năm 2002. Công tác tại BSC từ năm 2007.
Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc BSC từ ngày 15/05/2012.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,00%

**Bà Ngô Thị Phong Lan**
Sinh năm 1978
Phó Tổng Giám Đốc
Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ năm 2001
Được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 27/10/2014.
Tỷ lệ sở hữu cá nhân: 0,01%

## CÁC BÊN LIÊN QUAN

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ |
|---|---|
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | Ngân hàng mẹ |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV | Công ty con của BIDV |
| Công ty Liên doanh Tháp BIDV | Công ty liên doanh với BIDV |
| Ngân hàng Lào Việt | Công ty con của BIDV |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần

**86.500.000** cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành

**86.500.000** cổ phần

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2015

| Đối tượng | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|---|---|---|
| **1. Trong nước** | **795** | **84.740.880** | **97,97%** |
| Cá nhân | 789 | 8.269.421 | 9,56% |
| Tổ chức | 6 | 76.471.459 | 88,41% |
| **2. Nước ngoài** | **30** | **1.759.120** | **2,03%** |
| Cá nhân | 27 | 139.050 | 0,16% |
| Tổ chức | 3 | 1.620.070 | 1,87% |
| Tổng cộng | **825** | **86.500.000** | **100,00%** |

## CỔ ĐÔNG LỚN

Tại thời điểm 31/12/2015, BSC chỉ có 1 cổ đông lớn là Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số cổ phần nắm giữ là 76.225.330 tương đương 88,12% tổng số cổ phần.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2015, HĐQT BSC đóng vai trò chỉ đạo, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty đi theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt từ đầu năm. Trên cơ sở các văn bản quản trị điều hành hiện hành của Công ty như: Điều lệ Công ty; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Phân cấp ủy quyền trong quản trị điều hành, HĐQT BSC đã hoạt động đúng chức năng, phát huy tốt vai trò định hướng những chiến lược, nhiệm vụ mang tính chất trọng yếu, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành tổ chức triển khai những nhiệm vụ cụ thể giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

## Cơ cấu HĐQT

Do thay đổi phân công công tác của cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam nên cơ cấu thành viên HĐQT BSC năm 2015 có sự thay đổi. Cụ thể:

- Miễn nhiệm Ông Nguyễn Quốc Hưng – Thành viên HĐQT (theo Nghị quyết 1319/NQ-BSC ngày 18/11/2015).
- Bầu bổ sung Ông Nguyễn Thiều Sơn – Thành viên HĐQT (theo Nghị quyết 1318/NQ-BSC ngày 18/11/2015).

Sau đó, cơ cấu HĐQT giữ đến nay như sau:

| STT | Họ tên | Chức danh tại BSC | Chức danh tại đơn vị khác | Tỷ lệ sở hữu do BIDV ủy quyền đại diện |
|---|---|---|---|---|
| **1** | Đoàn Ánh Sáng | Chủ tịch HĐQT | Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia. | 35,25% |
| **2** | Đỗ Huy Hoài | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | | 26,43% |
| **3** | Lê Ngọc Lâm | Ủy viên HĐQT | Thành viên Thường trực Hội đồng Thành Viên Ngân hàng VID Public Bank | 13,22 % |
| **4** | Nguyễn Thiều Sơn | Giữ vị trí Ủy viên HĐQT theo Nghị quyết HĐQT số 1318/NQ-BSC ngày 18/11/2015 | Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính BIDV | 13,22 % |

# Hoạt động của HĐQT trong năm 2015

Chủ tịch BSC đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập bối cảnh phù hợp về chương trình họp HĐQT, cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT, tạo điều kiện cho thành viên HĐQT tranh luận và thảo luận hiệu quả trong quản trị điều hành, cung cấp những chất vấn mang tính xây dựng mà Công ty cần có. Trong năm 2015, các quy tắc về quản trị Công ty được tuân thủ đầy đủ, thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty và các hệ thống quản lý rủi ro.

Nhằm thông qua những vấn đề lớn trong tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT đã tiến hành 07 cuộc họp chính thức với sự tham gia của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và một số cán bộ chủ chốt trong Công ty, cụ thể:

| Phiên họp | Ngày | Số thành viên tham dự | Nội dung |
|---|---|---|---|
| **1** | 22/01/2015 | 04 | - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014;<br>- Kế hoạch kinh doanh năm 2015;<br>- Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu đến hết 31/12/2014;<br>- Báo cáo một số đề xuất cho hoạt động kinh doanh năm 2015;<br>- Báo cáo khảo sát về việc thực hiện yêu cầu thành viên HĐQT độc lập tại các Công ty chứng khoán;<br>- Mô hình tổ chức của khối Tư vấn đầu tư;<br>- Hạn mức phê duyệt vay vốn tại các tổ chức tín dụng.<br>- Phê duyệt chủ trương tăng vốn điều lệ của BSC;<br>- Đề xuất thuê đơn vị tư vấn quản trị nhân sự tại BSC |
| **2** | 05/03/2015 | 04 | - Hạn mức vay vốn tại các tổ chức tín dụng |
| **3** | 07/04/2015 | 04 | - Báo cáo tình hình kết quả hoạt động Quý I/2015 và Kế hoạch kinh doanh Quý II/2015;<br>- Rà soát công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 |
| **4** | 7/10/2015 | 04 | - Thông qua hạn mức tín dụng tại một số Ngân hàng TMCP |
| **5** | 15/12/2015 | 04 | |
| **6** | 17/12/2015 | 04 | |
| **7** | 30/12/2015 | 04 | |

Ngoài 07 cuộc họp chính thức trong năm, HĐQT còn tiến hành lấy ý kiến thông qua nhiều hình thức: văn bản, email, fax để thông qua những vấn đề quan trọng khác, được thể chế thành các Nghị quyết lớn với nội dung cụ thể như sau:

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| **1** | 01/NQ-HĐQT | 07/04/2015 | Bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2015 |
| **2** | **1318/NQ-BSC** | **18/11/2015** | Bầu bổ sung thành viên HĐQT |
| **3** | 1319/NQ-BSC | 18/11/2015 | Miễn nhiệm thành viên HĐQT |
| **4** | **1483/NQ-BSC** | **29/12/2015** | Kế hoạch đào tạo năm 2016 |
| **5** | 1267/NQ-BSC | 31/12/2015 | Điều chỉnh mô hình tổ chức Công ty |
| **6** | **1268/NQ-BSC** | **31/12/2015** | Thành lập phòng Kinh doanh Nguồn vốn và Trái phiếu |
| **7** | 1269/NQ-BSC | 31/12/2015 | Thành lập phòng PTSP |
| **8** | **1270/NQ-BSC** | **31/12/2015** | Thành lập phòng TVĐT KH ĐHT CN |
| **9** | 1271/NQ-BSC | 31/12/2015 | Thành lập phòng TVĐT KH ĐHT HS |
| **10** | **1272/NQ-BSC** | **31/12/2015** | Thành lập phòng TVĐT KHTC CN |
| **11** | 1273/NQ-BSC | 31/12/2015 | Thành lập phòng TVĐT KHTC HS |
| **12** | **1274/NQ-BSC** | **31/12/2015** | Thành lập phòng TVĐT KH VIP CN |
| **13** | 1275/NQ-BSC | 31/12/2015 | Thành lập phòng TVĐT KH VIP HS |

# Nội dung hoạt động của từng thành viên

| STT | Thành viên HĐQT | Nội dung hoạt động cụ thể |
|---|---|---|
| **1** | Chủ tịch HĐQT<br>Đoàn Ánh Sáng | - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;<br>- Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;<br>- Thông qua Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;<br>- Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT trong các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.<br>- Thực hiện giám sát, chỉ đạo, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty để hoàn thành các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao phó. |
| **2** | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc<br>Đỗ Huy Hoài | - Tổ chức, thực hiện và giám sát các Nghị quyết/quyết định của HĐQT.<br>- Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT.<br>- Chỉ đạo, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền.<br>- Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty.<br>- Chỉ đạo, điều hành hoạt động của một số phòng nghiệp vụ theo phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành.<br>- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ từ Ban Lãnh đạo Công ty đến HĐQT.<br>- Chỉ đạo công tác chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT. |
| **3** | Ủy viên HĐQT Lê Ngọc Lâm | - Hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao tại ĐHĐCĐ thường niên trong phạm vi thẩm quyền hoạt động của mình.<br>- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của HĐQT cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.<br>- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.<br>- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ Công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính, cổ phần hóa, M&A… |
| **4** | Ủy viên HĐQT Nguyễn Quốc Hưng (giữ vị trí Ủy viên HĐQT cho đến ngày 18/11/2015 theo Nghị quyết HĐQT số 1319/NQ-BSC v/v miễn nhiệm thành viên HĐQT) | - Hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao tại ĐHĐCĐ thường niên trong phạm vi thẩm quyền hoạt động của mình.<br>- Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của HĐQT cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.<br>- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.<br>- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ Công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động đầu tư. |
| **5** | Ủy viên HĐQT Nguyễn Thiều Sơn (Giữ vị trí Ủy viên HĐQT theo Nghị quyết HĐQT số 1318/NQ-BSC ngày 18/11/2015) | - Tham gia đầy đủ các cuộc họp chính thức của HĐQT cũng như tham gia ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT bằng văn bản.<br>- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.<br>- Tham gia chỉ đạo và hỗ trợ Công ty trong các mảng nghiệp vụ đặc biệt liên quan đến hoạt động đầu tư. |

## Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành tìm kiếm nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập để bổ sung vào HĐQT BSC theo đúng quy định, tuy nhiên do tình hình thị trường cũng như đặc thù ngành nghề, BSC cũng như nhiều Công ty chứng khoán khác trên thị trường hiện vẫn chưa tìm được nhân sự phù hợp.

Do đó, trong năm 2016, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục chủ trương và chỉ đạo việc tìm kiếm và báo cáo ĐHĐCĐ để biểu quyết thông qua trong thời gian sớm nhất.

## BAN KIỂM SOÁT

Trong năm BKS đã thực hiện đúng chức trách vai trò quyền hạn theo luật định, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS trong quá trình giám sát hoạt động của Công ty. Đáp ứng yêu cầu thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty trong năm thông qua giám sát việc quản lý điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các bộ phận tác nghiệp quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ của Công ty. Trưởng BKS và các thành viên trong BKS đã hoàn thành vai trò trách nhiệm trong thực thi kế hoạch mà ban kiểm soát đề ra cho từng thành viên trong năm.

## Cơ cấu Ban kiểm soát

Thành viên BKS nhiệm kỳ 1 (2011-2015) lần đầu được ĐHĐCĐ bầu vào ngày 17/12/2010 có 03 thành viên. Các thành viên BKS cũng bầu chức danh Trưởng ban tại cùng ngày. Sau đó tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 31/07/2011, một thành viên BKS xin miễn nhiệm và bầu bổ sung một thành viên mới. Tiếp đến tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 11/04/2015 Trưởng Ban Kiểm soát xin miễn nhiệm, Đại hội bầu bổ sung 01 thành viên mới, cùng ngày BKS họp và bầu Trưởng BKS mới. Thành phần BKS tại thời điểm hiện tại như sau:

| STT | Họ tên | Chức danh tại BSC | Chức danh tại đơn vị khác | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|---|---|---|---|---|
| **1** | Phạm Thanh Thủy | Trưởng BKS | Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV | 0.000% |
| **2** | Hoàng Thị Hương | Thành viên BKS | Trưởng phòng trực thuộc Ban Kiểm tra và giám sát BIDV | 0.000% |
| **3** | Trần Minh Hải | Thành viên BKS | | 0.005% |

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS của BSC hoạt động theo hình thức bán chuyên trách. Hoạt động của BKS trong năm 2015 bao gồm:

- Thực hiện tổ chức họp để xây dựng kế hoạch hoạt động năm của BKS và bầu Trưởng BKS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
- Giám sát hoạt động HĐQT và Tổng Giám Đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và quản trị Công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty;
- Thực hiện giám sát theo định kỳ tình hình chấp hành nghị quyết ĐHĐCĐ, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính năm 2015;
- Xem xét tính hợp pháp, hợp lý, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, công tác lập báo cáo tài chính;
- Tham gia các phiên họp thường kỳ và đột xuất của HĐQT tổ chức để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động của Công ty;
- Tham gia xem xét và thống nhất các số liệu trong báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2015, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. BKS đánh giá các nội dung của báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và được soát xét bởi Công ty kiểm toán độc lập;
- Tham khảo ý kiến về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- Ngoài ra BKS tham gia các ý kiến đóng góp các biện pháp tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh với HĐQT và ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản trị rủi ro trong kinh doanh;
- Tiếp nhận nhận và giải quyết khiếu nại của các nhóm cổ đông lên BKS trong năm: Không phát sinh;
- Các cuộc họp của BKS trong năm 2015: BKS đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên.

***Tháng 3/2015:*** Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

***Tháng 4/2015:*** Ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ, BKS thực hiện tổ chức họp xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm 2015, phân công nhiệm vụ và bầu Trưởng BKS.

***Tháng 7/2015:*** tổ chức họp thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đã được soát xét.

# Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và BKS

## Thù lao, phụ cấp của HĐQT

*a. Đối với thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm điều hành hoặc làm việc tại Công ty.*

Được hưởng lương, phụ cấp, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Quy chế thu nhập của Công ty;

*b. Đối với thành viên HĐQT, BKS không kiêm nhiệm điều hành hoặc không làm việc tại Công ty.*

Thù lao và phụ cấp hội họp HĐQT và BKS BSC năm 2015 được ĐHCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2015 (đăng trên website: bsc. com.vn).

Thù lao: thực hiện chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 là 174.000.000 VNĐ (Một trăm bảy mươi tư triệu đồng).

Phụ cấp tham gia hội họp: Tổng phụ cấp tham gia hội họp thực hiện chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát BSC tính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 là 88.000.000 VNĐ (Tám mươi tám triệu đồng).

Các thành viên HĐQT và BKS làm đại diện phần vốn của BIDV tại BSC, thù lao được chuyển về BIDV mà không chuyển vào tài khoản cá nhân.

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tổng tiền thù lao và phụ cấp hội họp |
|---|---|---|---|
| **1** | Đoàn Ánh Sáng | Chủ tịch HĐQT | 80.000.000 |
| **2** | Đỗ Huy Hoài | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 20.000.000 |
| **3** | Nguyễn Quốc Hưng | Ủy viên HĐQT | 43.500.000 |
| **4** | Nguyễn Thiều Sơn | Ủy viên HĐQT | 10.500.000 |
| **5** | Lê Ngọc Lâm | Ủy viên HĐQT | 54.000.000 |
| **6** | Bùi Thị Hòa | Trưởng BKS | 12.750.000 |
| **7** | Phạm Thanh Thủy | Trưởng BKS | 21.250.000 |
| **8** | Trần Minh Hải | Thành viên BKS | 4.000.000 |
| **9** | Hoàng Thị Hương | Thành viên BKS | 16.000.000 |
| | **Tổng cộng** | | 262.000.000 |

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

- Không phát sinh giao dịch

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Không có

# TÁI KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

## Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 là một năm nhiều biến động đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Thị trường chứng khoán có sự phân hóa sâu sắc, UBCKNN liên tục có các chính sách nhằm tái cấu trúc các Công ty chứng khoán. Kết thúc năm 2015, BSC đã hết lỗ lũy kế, dần phục hồi lấy lại vị thế, từng bước đi lên, lấy lại danh tiếng vốn có trên thị trường từ năm 2000. Công ty đã hoàn thành đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và các mục tiêu Đề án Tái cấu trúc.

Một số kết quả nổi bật như sau:

- Thị phần môi giới cổ phiếu đạt 3,87%, tăng 10,5% so với mức 3,5% năm 2014, top 9 sàn HSX.
- Thị phần môi giới trái phiếu tiếp tục duy trì được vị trí TOP đầu thị trường. Thị phần môi giới cổ phiếu quay trở lại TOP 10 và có năm thứ 4 tăng trưởng liên tiếp kể từ năm 2012 với mức tăng trưởng 10,6%.
- Lợi nhuận thực hiện đạt 101,5 tỷ đồng, vượt kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua 98,1 tỷ, chính thức hết lỗ lũy kế.

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh và quản trị công ty, HĐQT BSC nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam, đặc biệt là sự phát triển của nhân sự tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Năm 2015, BSC là đơn vị đồng tài trợ cho cuộc thi Go Finance mở ra nhiều cơ hội cho các sinh viên kinh tế trẻ tham gia vào TTCK Việt Nam trong tương lai, tăng cường liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và trường học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện nhiều chương trình về cộng đồng, nổi bật như việc đồng hành cùng UBCKNN và các thành viên thị trường chung tay xây dựng điểm trường tiểu học – mẫu giáo tại bản Noong Khắt, xã Ngọc Long, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Thị phần môi giới cổ phiếu

tăng **10.5%**

Lợi nhuận thực hiện đạt

**101.5** tỷ đồng

## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Trong năm 2015, với các hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, hoạt động của Ban Điều hành đốc đã đạt được những kết quả như sau:

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng của Tổng Giám đốc cho các thành viên trong ban Điều hành và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao;
- Ban Điều hành đã tiếp thu và có những biện pháp triển khai những nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp hoặc báo cáo bằng các văn bản định kỳ;
- Ban Điều hành đã tự chủ động trong việc xây dựng và đề xuất những vấn đề trọng yếu của Công ty lên HĐQT.
- Ban Điều hành định kỳ thực hiện báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo tháng;
- Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật;
- Kiểm soát có hiệu quả, thực hiện tốt vai trò quản trị rủi ro trong các mảng hoạt động nghiệp vụ của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và các quy định về kinh doanh chứng khoán;

## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT BSC sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban Điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững thành quả đã đạt được và nâng cao năng lực cạnh tranh trên phạm vi toàn Công ty. Cụ thể:

- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn, từng bước tự chủ tài chính trong điều kiện hội nhập để xây dựng vị thế BSC xứng đáng với thị trường chung và khu vực ASEAN;
- Tập trung phát triển dịch vụ trong đó đặc biệt là các nghiệp vụ Ngân hàng Đầu tư, M&A. Lấy tư vấn làm thế mạnh nổi trội, vượt trội của BSC trong giai đoạn tới, thể hiện đẳng cấp và giá trị của BSC;
- Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của BSC; thúc đẩy quảng bá thương hiệu;
- Nâng cao năng lực quản trị theo mô hình hoạt động của một Công ty chứng khoán hội nhập đầy đủ. Nâng cao kỹ năng, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng chính sách động lực, nâng cao năng lực đội ngũ;
- Tham gia các giao dịch tư vấn IPO lớn cho các Doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới. Nghiên cứu thực hiện các giao dịch tư vấn phát hành, niêm yết ra thị trường khu vực và quốc tế trong bối cảnh cộng đồng kinh tế chung ASEAN đang được hình thành.
- Tiếp tục xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

# Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành

Bức tranh kinh tế vĩ mô của Việt Nam năm 2015 tiếp tục khẳng định sự phục hồi và bước vào quỹ đạo tăng trưởng của kinh tế Việt Nam. Định hướng đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tái cơ cấu ngân hàng, đầu tư công, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đang phát huy tác dụng và hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế năm 2015 và nhiều năm tới. Tuy nhiên những vấn đề nội tại như nợ công và bội chi ngân sách và yếu tố bên ngoài như tăng trưởng chậm của kinh tế thế giới đặc biệt khối BRIC, biến động giá dầu, tỷ giá đồng USD, hoạt động điều chỉnh chính sách của các quốc gia chủ chốt như Mỹ, EU, Trung Quốc và Nhật Bản là các yếu tố rủi ro tiềm ẩn đến ổn định kinh tế vĩ mô trong nước.

Trong bối cảnh chung của môi trường kinh doanh năm 2015, BSC cùng tập thể CBNV đã bám sát định hướng kinh doanh, linh hoạt ứng phó với diễn biến thị trường, chủ động và nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu. Lợi nhuận và quy mô tài sản của công ty đều có sự tăng trưởng tốt. Theo đó, lợi nhuận trước thuế là 101,5 tỷ đồng, tăng trưởng 34% so với năm 2014 và chính thức hết lỗ lũy kế. Tổng tài sản tiếp tục tăng với tốc độ tăng trưởng cao, tại thời điểm 31/12/2015 đạt 2.391 tỷ đồng tăng 30% so với thời điểm đầu năm – tăng trưởng cao nhất trong 4 năm gần đây.

Đạt được kết quả khả quan như trên thì bên cạnh việc quán triệt hoạt động theo đúng định hướng chiến lược dựa trên các yếu tố cốt lõi là con người và công nghệ, BSC đã triển khai nhiều biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và các công tác chăm sóc khách hàng trong năm 2015. Tự hào với truyền thống và giá trị văn hóa riêng có được xây dựng qua hơn 15 năm phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, đến nay BSC đã đào tạo và xây dựng được các lớp cán bộ kế cận có trình độ chuyên môn sâu, nhiệt huyết với công việc và gắn bó với Công ty tạo nên một khối thống nhất có sức mạnh vượt qua các giai đoạn khó khăn nhất. Ngoài ra, Công ty tiếp tục có những cải tiến về các chính sách quản trị nhân sự, đãi ngộ phù hợp tạo động lực cho cán bộ phát triển hoạt động kinh doanh.

Năm 2016 được dự báo có nhiều biến động có tác động tới tăng trưởng trung và dài hạn của nhiều nền kinh tế, là một năm có nhiều khó khăn với thị trường chứng khoán nói riêng cũng như kinh tế toàn cầu. Trên cơ sở đánh giá vĩ mô, doanh nghiệp và các thông tin tác động đến thị trường, BSC đã xây dựng những định hướng kinh doanh cho năm 2016 hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững và trở lại vị thế TOP đầu của BSC trên thị trường, thông qua việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi và hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ cấu nhân sự các phòng và đảm bảo các chính sách động lực đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động của toàn Công ty.

Ngoài ra, truyền thống giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn đặc biệt ở các vùng xa xôi trong các năm qua tại BSC sẽ tiếp tục được phát huy trong năm 2016. Với mong muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân sự cho thị trường chứng khoán trong tương lai, các hoạt động trách nhiệm xã hội của BSC sẽ tập trung vào việc hỗ trợ sinh viên hoàn thiện các kỹ năng của mình cũng như làm quen với môi trường doanh nghiệp, để họ có cơ hội phát triển, qua đó dự phòng nhân lực có chất lượng cho chính tương lai của các doanh nghiệp, trong đó có BSC.

# CHUYỂN MÌNH ĐỔI MỚI

## Định hướng phát triển

### Sứ mệnh

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty

### Tầm nhìn

Cấu trúc lại nền tảng khách hàng theo hướng phát triển bền vững, an toàn. Giữ vững và từng bước nâng cao thứ hạng trong TOP đầu các Công ty Chứng khoán, trở thành Ngân hàng Đầu tư (Investment Bank).

### Giá trị cốt lõi

Được xây dựng trên 3 trụ cột:

- Chất lượng nhân sự
- Văn hóa doanh nghiệp
- Hạ tầng công nghệ.

### Chiến lược phát triển dài hạn

BSC đặt ra yêu cầu tăng trưởng bứt phá khỏi mức bình quân ổn định của thị trường và độc lập tương đối với diễn biến lên xuống của thị trường, khẳng định thương hiệu khác biệt, hướng tới vị trí dẫn đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam, gia tăng lợi nhuận bền vững, là nơi hội tụ của chuyên gia chứng khoán, đoàn kết toàn thể cán bộ Công ty tạo nên sức mạnh thực hiện mục tiêu chung.

### Định hướng phát triển bền vững

BSC xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội là một trong những nhân tố để phát triển bền vững cho giai đoạn tới. BSC sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình từ thiện hoặc thành lập học bổng. Đây không đơn thuần là chuyện của doanh nghiệp đi làm từ thiện, mà chính là cuộc hành trình của những trái tim đầy nhiệt huyết sẵn sàng sẻ chia lòng yêu thương đến từng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cho đi là để góp phần tái thiết tổ chức và quốc gia được thịnh vượng hơn.

## Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2016

Kết thúc năm 2015, BSC chính thức hết lỗ lũy kế và tái khẳng định vị thế trên thị trường chứng khoán là một trong các Công ty chứng khoán hàng đầu. Xác định năm 2016 là năm nền tảng cho giai đoạn phát triển 2016-2020, BSC sẽ tập trung tăng cường đầu tư nhiều hơn để nâng cao năng lực cạnh tranh. Từ đó từng bước hoàn thiện và bứt phá trong giai đoạn phát triển về tầm vóc và quy mô.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động: gia tăng thị phần của các mảng dịch vụ, phấn đấu đạt được những vị trí dẫn đầu thị trường.
- Hoạt động môi giới: tăng trưởng thị phần môi giới cổ phiếu và giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường trong mang môi giới trái phiếu. Kiên định với định hướng phát triển bền vững, song song với việc tăng trưởng thị phần ổn định, tập trung hoàn thiện các chính sách khách hàng, từng bước mở rộng nền tảng khách hàng để gia tốc mạnh mẽ các chỉ tiêu tài chính và khách hàng trong dài hạn.
- Hoạt động tư vấn tài chính: tiếp tục duy trì và phát triển các mảng dịch vụ là thế mạnh trên thị trường, và bước đầu khai thác các mảng dịch vụ có tiềm năng để phát triển kinh doanh, đặc biệt là các mảng hoạt động M&A.
- Hoạt động đầu tư: tập trung cho hoạt động đầu tư ngắn hạn, linh hoạt theo diễn biến thị trường, là kênh kết nối trực tiếp BSC với thị trường hiệu quả và uy tín.
- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc tìm kiếm các đối tác chiến lược, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSC.

# Kế hoạch tài chính năm 2016

| Chỉ tiêu | Số liệu (Đơn vị: Triệu đồng) |
|---|---|
| Chỉ tiêu hiệu quả | |
| **Tổng doanh thu** | 330.397 |
| **Tổng chi phí** | (255.342) |
| **Lợi nhuận trước thuế** | 75.055 |
| **Tỷ lệ cổ tức dự kiến** | 5,0% |
| Chỉ tiêu chất lượng | |
| **Thị phần môi giới CP** | 3,9% |

# Kinh tế năm 2015 và dự báo năm 2016

## Môi trường kinh tế năm 2015

Việt Nam đã ứng phó tương đối tốt trước những biến động của môi trường kinh tế quốc tế và đạt được những kết quả tích cực. Mặc dù vậy, kinh tế vĩ mô trong nước cũng bị xáo trộn một phần. Dấu ấn trong năm 2015 của kinh tế Việt Nam có thể kể đến: Tăng trưởng mạnh mẽ; Hội nhập quốc tế sâu rộng với các FTAs quan trọng;Tâm điểm của chính sách tiền tệ chuyển sang tỷ giá, và Kết thúc chuỗi 3 năm xuất siêu.

**Tăng trưởng kinh tế là điểm sáng trong năm 2015, đồng thời duy trì tốc độ mạnh mẽ hơn trong 5 năm gần đây.** Mức tăng trưởng kinh tế nổi trội trong năm vừa qua có được là nhờ sự phục hồi của tổng cầu trong nền kinh tế, đặc biệt ở lĩnh vực đầu tư và tiêu dùng cá nhân. Năm 2015, tổng sản phẩm quốc nội GDP trong nước đã tăng 6,68% yoy so với cùng kỳ năm trước, vượt mức 6,2% kế hoạch đề ra đầu năm. Tốc độ tăng trưởng GDP liên tục mở rộng qua từng quý (lần lượt là 6,12% yoy trong quý 1, 6,47% yoy trong quý 2, 6,87% yoy trong quý 3, và 7,01% yoy trong quý 4), đồng thời kéo dài chuỗi phục hồi trong năm thứ 3 liên tiếp. Quy mô nền kinh tế đạt 4.192,9 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người tăng lên 45,7 triệu đồng (tương đương 2.109 USD) từ mức 2.052 USD năm 2014.

**Trạng thái tích cực của khu vực sản xuất được duy trì** thể hiện ở chỉ số PMI khi chỉ số trung bình năm đạt 51,55 điểm, chỉ thấp hơn một chút so với mức trung bình năm 2014 (51,82). Chỉ số PMI nằm trong vùng tăng trưởng trong khoảng ¾ thời gian cả năm. Tăng trưởng mạnh trong nửa năm đầu, đình trệ vào thời điểm cuối năm khiến PMI tụt về vùng thu hẹp. Điểm tích cực là PMI đã tăng trở lại vào tháng cuối cùng của năm, đem lại kỳ vọng tích cực trong năm tới.

**Kiểm soát lạm phát** cũng là một trong những tiêu điểm vĩ mô nổi bật **của Việt Nam trong năm vừa qua. Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 0,6% trong năm 2015. Giá xăng dầu quốc tế giảm sâu và nguồn cung hàng hóa nội địa dồi dào là 2 yếu tố quan trọng hình thành nên bối cảnh giá trong năm 2015.**

**Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài đạt được kết quả khả quan.** FDI giải ngân thực tế năm 2015 đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,4% yoy. FDI đăng ký trong năm 2015 là 22,76 tỷ USD, cao hơn 12,5% yoy. Khu vực FDI tiếp tục là khu vực thâm dụng lao động mạnh bất chấp khó khăn của kinh tế nội địa lẫn quốc tế, đóng vai trò là động cơ chủ đạo thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2015. Luồng vốn có tính tập trung vào các dự án lớn, và có xu hướng gia tăng vào nửa cuối năm 2015.

Tăng trưởng GDP từ 2004 - 2015

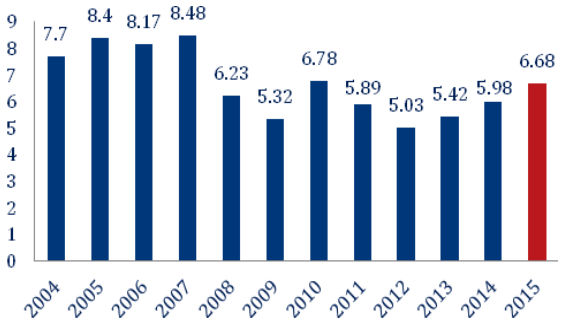


Đồ thị Chỉ số PMI

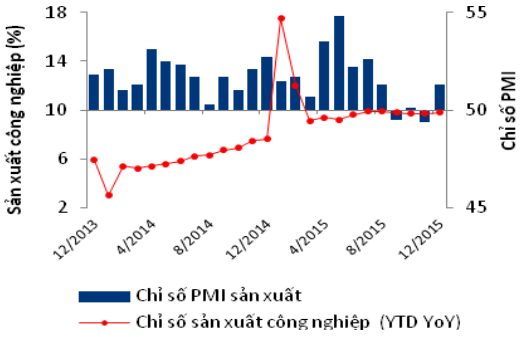


Đồ thị Lạm phát (%) trong 10 năm

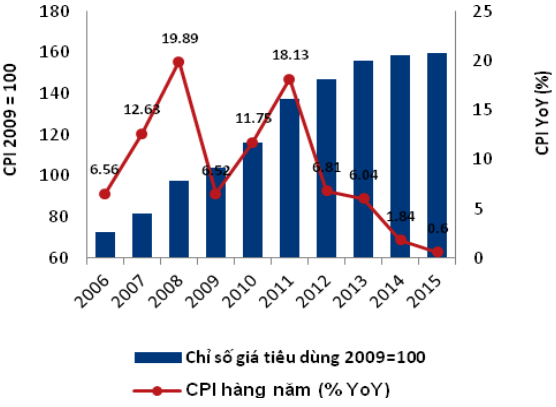


Đồ thị Vốn FDI 2010-2015 (tỷ USD)

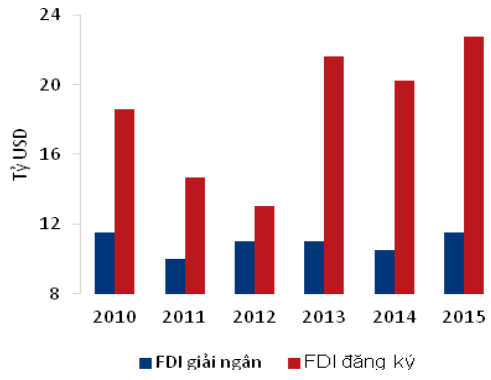


Nguồn: GSO, FIA, Phân tích BSC

**Hoạt động thương mại của Việt Nam tăng trưởng tích cực** trong năm vừa qua. Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1% yoy so với năm trước. Dù vậy, **chuỗi xuất siêu trong 3 năm liên tiếp vừa qua đã chấm dứt**, Việt Nam chuyển sang trạng thái nhập siêu năm 2015 do tốc độ tăng trưởng của nhập khẩu vượt xuất khẩu kể từ những tháng cuối quý 2 trong bối cảnh nhu cầu nội địa tăng và hoạt động nhập khẩu phục vụ sản xuất xuất khẩu.

Đồ thị Xuất nhập khẩu năm 2010-2015 (tỷ USD)

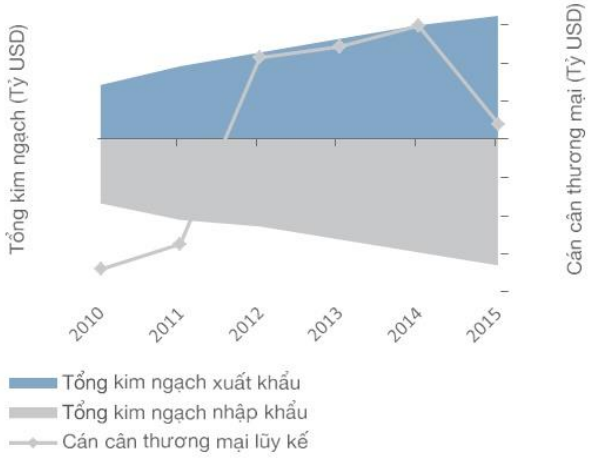


Nguồn: GSO, Phân tích BSC

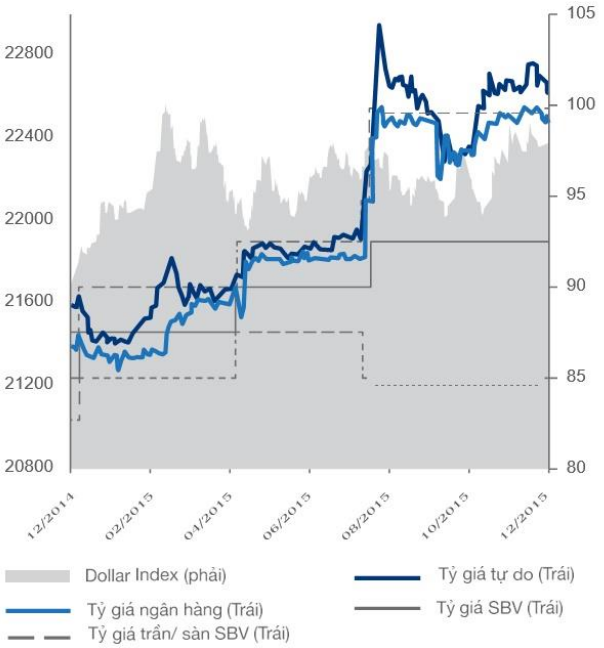


Đồ thị : Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)

**Tỷ giá năm 2015 bị tác động bởi nhiều sự kiện bất thường.** Có tới 4 lần biến động tỷ giá trong năm 2015, trong đó có 3 lần phá giá VND và 2 lần điều chỉnh biên độ giao dịch. Vào thời điểm cuối năm, tỷ giá USDVND là 22.475, tăng 5,07% so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường ngoại hối trong thời điểm gần 3 quý đầu biến động nhẹ hơn so với thời điểm hơn 1 quý cuối, thời điểm gần với cuộc họp FOMC tháng 12 khi FED nâng lãi suất đồng USD.

**Hoạt động ngân hàng trong năm 2015 ổn định, là nền tảng cho vĩ mô cũng như hỗ trợ nhất định cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế.**

Tín dụng tăng 17,17% so với năm 2014; Tổng phương tiện thanh toán tăng 13,55%; Huy động vốn tăng 13,59%. Các chỉ tiêu này về cơ bản phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô và tiền tệ trong năm vừa qua.

Mặt bằng lãi suất (huy động và cho vay) giảm 0,2 – 0,5% trong năm 2015, góp phần hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ

Nợ xấu hoàn thành mục tiêu dưới 3% đề ra đầu năm. Các nỗ lực xử lý nợ xấu thông qua VAMC và áp dụng chuẩn mực mới về phân loại nợ đã giúp cho nợ xấu Việt Nam minh bạch hơn.

### Thị trường chứng khoán năm 2015

***Kinh tế Vĩ mô khởi sắc phần nào tác động tích cực hỗ trợ thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, những yếu tố bên ngoài đã ảnh hưởng và khiến thị trường biến động phức tạp.***

Đạt đỉnh trong năm với mức tăng 17,1% và 7,8% so với đầu năm, tuy nhiên VN-Index chỉ duy trì mức tăng 6,1%, còn HNX-Index giảm 3,7% vào cuối năm. Chốt phiên ngày 31/12, VN-Index đóng cửa ở mức 579,03 điểm trong khi HNX-Index chốt tại 79,96 điểm. Thị trường có 3 đợt tăng điểm và giảm điểm với biên độ giao động rất lớn, khiến các chỉ số quay trở về mốc xuất phát như đầu năm.

Diễn biến Vnindex theo dòng sự kiện:

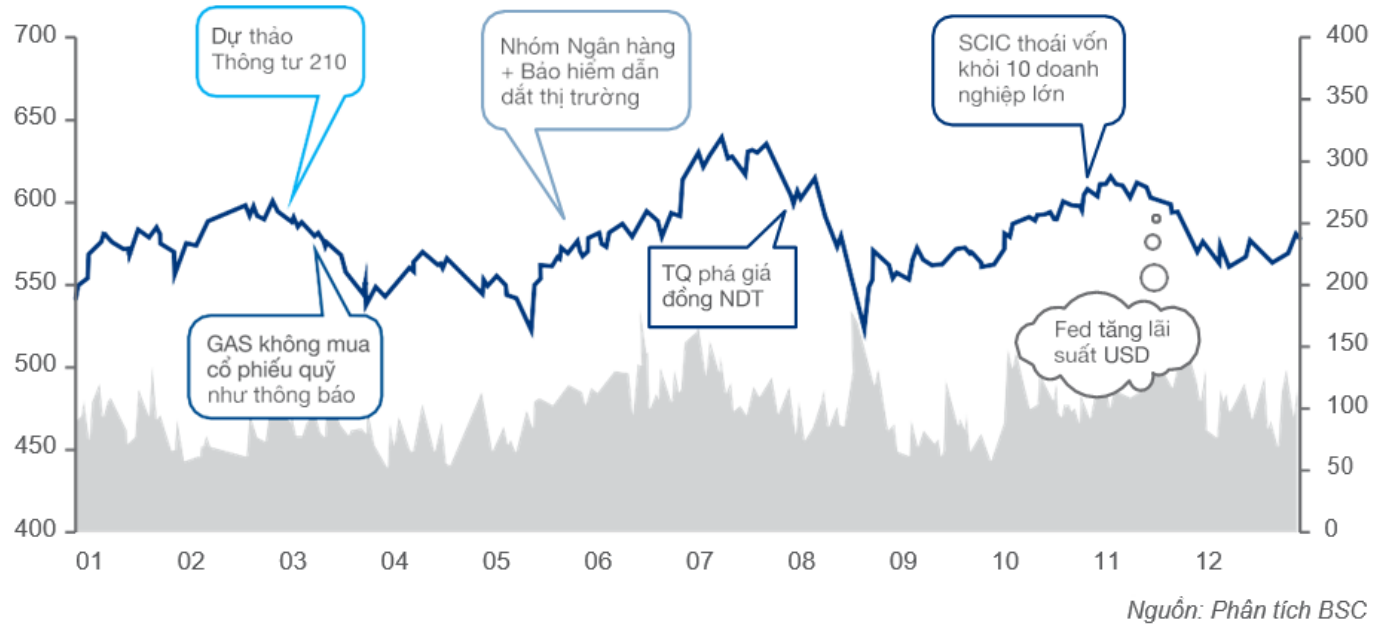


*Nguồn: Phân tích BSC*

**Không thể duy trì được mức kỷ lục như năm 2014,** thanh khoản thị trường năm 2015, giảm 15% so với năm trước và đạt trung bình 2.481 tỷ/phiên. "Quy định cứng về tỷ lệ cho vay đầu tư chứng khoán theo Thông tư 36, khiến dòng tiền cho hoạt động đầu tư chứng khoán sẽ không dồi dào như năm vừa qua". Điều này góp phần giải thích cho diễn biến kém tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2015. Đồ thị: Giá trị giao dịch bình quân 2015.

Tính đến hết tháng 12/2015, quy mô vốn hóa của hai sàn đạt 1.295 tỷ VND, tương đương 34% GDP và tăng 17,3% so năm trước. Mức tăng vốn hóa được đóng góp từ mặt bằng giá tăng bình quân 6,1%.

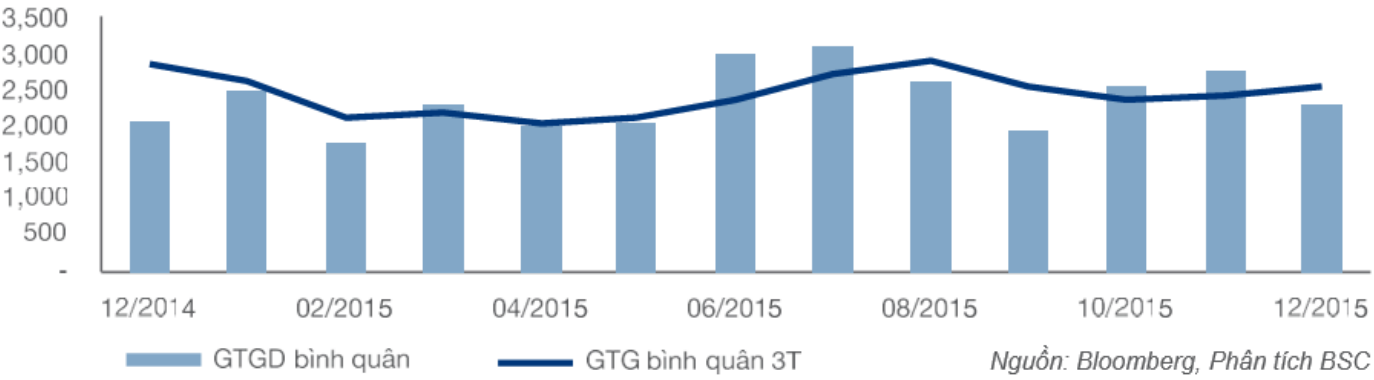


*Nguồn: Bloomberg, Phân tích BSC*

**Dòng vốn ngoại mua ròng 2.736 tỷ, giảm 27,9% so với năm 2014,** Quy mô mua ròng sụt giảm so năm 2014 do tâm lý thận trọng và hoạt động rút vốn của các quỹ ngoại và ETF trước mỗi thời điểm có thông tin về khả năng FED tăng lãi suất. Dòng vốn ngoại có mức tăng trưởng âm 2 năm liên tiếp

# TRIỂN VỌNG NĂM 2016

## Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2016

**Triển vọng 2016 cho vĩ mô Việt Nam đan xen cả điểm sáng lẫn tối. Sự bền bỉ ổn định trong tăng trưởng sẽ thay thế cho sự bứt tốc mạnh mẽ trong năm vừa qua.** Các dự báo cơ bản của BSC Research gồm: GDP 2016 dự kiến sẽ tăng 6,7 – 6,9% yoy; tỷ lệ lạm phát có thể dao động trong vùng 1,8 – 3,5% yoy; vốn FDI thực hiện có thể đạt 13,5 – 17,0 tỷ USD; thương mại tăng trưởng, nhập siêu khoảng 4 – 6 tỷ USD; tỷ giá tăng 5 – 8%, đồng thời thay đổi cơ chế tỷ giá hiện tại; mặt bằng lãi suất tăng nhẹ trở lại, tín dụng và cung tiền tăng trưởng so với 2015.

GDP 2016 dự kiến sẽ tăng

**6.7-6.9%**yoy

**Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức trong năm tới trong việc giữ được đà tăng trưởng nhanh trong 2 năm gần đây**, đến từ (1) Biến động vĩ mô trên thế giới, và (2) Vấn đề nội tại của Việt Nam. Động lực tăng trưởng thiếu bền vững, chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, những rủi ro mất cân bằng có dấu hiệu tái xuất hiện, như nhập siêu, dự trữ ngoại hối bào mòn, ngân sách kém bền vững, lãi suất qua vùng đáy… Triển vọng 2016 và các năm tới sẽ sáng sủa hơn chỉ khi Việt Nam tận dụng tốt nền tảng vĩ mô khả quan gây dựng trong các năm vừa qua, đồng thời thúc đẩy quá trình tái cơ cấu, khuyến khích kinh tế tư nhân, cải thiện năng suất, và nâng cấp mô hình tăng trưởng...

**Một số chỉ tiêu dự báo năm 2016**

| Chỉ tiêu | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016F |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **GDP yoy (%)** | 6,24 | 5,25 | 5,42 | 5,98 | 6,68 | **6,7 – 6,9** |
| **IIP yoy (%)** | 7,50 | 5,93 | 7,00 | 9,60 | 9,00 | |
| **Retail Sales yoy (%)** | 24,2 | 16,0 | 12,6 | 10,6 | 9,5 | |
| **CPI yoy (%)** | 18,13 | 6,81 | 6,04 | 1,84 | 0,60 | **1,8 – 3,5** |
| **FDI đăng ký (tỷ USD)** | 14,7 | 13 | 21,6 | 20,2 | 22,76 | |
| **FDI giải ngân (tỷ USD)** | 11 | 10,5 | 11,5 | 12,4 | 14,5 | **13,5 - 17** |
| **Xuất khẩu (tỷ USD)** | 96,2 | 114,6 | 132,1 | 150,0 | 162,4 | |
| **Nhập khẩu (tỷ USD)** | 105,77 | 114,34 | 131,31 | 148,05 | 165,60 | |
| **Cán cân TM (tỷ USD)** | (9,51) | 0,28 | 0,86 | 1,98 | (3,17) | **(4) – (6)** |
| **Tỷ giá (VND/USD)** | 21.034 | 20.840 | 21.095 | 21.388 | 22.485 | **23.600 – 24.273** |
| **Lãi suất cho vay (%)** | 15,32 | 11,94 | 9,63 | 8,16 | 8,1 | **8,5** |
| **Tăng trưởng tín dụng (%)** | 12 | 8,85 | 12,52 | 14,16 | 17,17 | **18–20** |
| **Nợ xấu (%)** | - | 4,08% | 3,61% | 3,25% | 2,72% | |

Nguồn: GSO, Phân tích BSC

# Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam 2016

**Còn nhiều thách thức và ẩn số**

Phân tích TTCK 2016 dựa trên 3 khía cạnh (1) triển vọng Vĩ mô và TTCK toàn cầu (chi tiết trong phần Vĩ Mô), (2) Cung và cầu TTCK, (3) Chính sách TTCK và khả năng thực thi. Cả 3 yếu tố trên đều cho thấy năm 2016 sẽ là năm có nhiêu thách thức và ẩn số hơn so với giai đoạn 3 năm trước đó.

**Triển vọng Vĩ mô và TTCK toàn cầu khó khăn**

Năm 2016 được kỳ vọng sẽ là năm khó khăn với TTCK cũng như kinh tế toàn cầu. Đây là năm có nhiều sự kiện đáng chú ý với các tác động mang ý nghĩa quyết định tới tăng trưởng trong trung và dài hạn của nhiều nền kinh tế như: Khả năng thông qua TPP tại 12 nước thành viên, Bầu cử tổng thống Mỹ, Kế hoạch 5 năm mới của Trung Quốc, Trưng cầu dân ý tại Anh về việc ở lại Eurozone… Trong đó các yếu tố rủi ro từ suy giảm kinh tế Trung Quốc và tăng lãi suất của FED đang chiếm ưu thế và sẽ ảnh hưởng chung đến xu hướng đầu tư vào TTCK toàn cầu. Việc Việt Nam có thể trở thành diễm sáng thu hút đầu tư sẽ phụ thuộc rất nhiều vào tình hình Vĩ Mô trong nước và các cam kết cải cách mạnh mẽ về kinh tế trong năm 2016, năm thứ 30 kể từ "Đổi mới" 1986.

**Cầu thị trường chứng khoán.**

***Đánh giá dòng tiền nội:*** Tốc độ tăng đang nhanh hơn so với giai đoạn trước đó, và nhờ vào chính sách không hạn chế số lượng tài khoản cho một NĐT. Thêm vào đó năng lực cung cấp margin giảm sút do bị điều chỉnh bởi thông tư 36 và mặt bằng lãi suất nhiều khả năng đã tạo đáy trong năm 2015. Do vậy từ phía NĐT trong nước khó có khả năng đột biến về dòng tiền vào TTCK 2016, đặc biệt khi các yếu tố vĩ mô, tâm lý diễn biến không thuận lợi

***Đánh giá dòng tiền Nhà đầu tư Nước ngoài:*** Theo ước tính của IMAA thì thị trường M&A tại Việt Nam đạt giá trị 3,8 tỷ USD với gần 400 thương vụ dự kiến được công bố trong năm 2015, tăng mạnh so với 2,8 tỷ USD của năm 2014. tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế sẽ góp phần mở ra một môi trường thân thiện hơn cho các nhà đầu tư, và làn sóng M&A thứ hai đang được kỳ vọng sẽ rất mạnh mẽ. Dù không ai có thể chắc dòng tiền được giải phóng từ các vụ M&A quay lại TTCK niêm yết như thế nào, nhưng chắc chắn sẽ có tác động tích cực gián tiếp và trực tiếp đến dòng tiền của NĐT NN trên niêm yết.

**Cung cổ phiếu sẽ tăng cùng hoạt động thoái vốn, cổ phần hóa và tăng vốn**

***Kế hoạch cổ phần hóa gắn với niêm yết:*** Theo kế hoạch cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011-2015, còn khoảng 130 doanh nghiệp sẽ cổ phần hóa theo kế hoạch 2011 – 2015. Thêm vào đó lượng doanh nghiệp sẽ cổ phần hóa trong giai đoạn 2016 – 2020 dự kiến cũng khoảng 500 doanh nghiệp. Lượng cung cổ phiếu sẽ tăng cùng với tốc độ cổ phần hóa, và thị trường UPCOM sẽ gia tăng quy mô thu hút nhà đầu tư trong năm 2016.

***Hoạt động thoái vốn nhà nước sẽ được đẩy mạnh.*** Với sức ép ngân sách và mục tiêu tái cấu trúc nền kinh tế và chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực then chốt trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động thoái vốn sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2016.

***Phát hành tăng vốn của Doanh nghiệp.*** Việc TTCK khá sôi động những năm gần đây khiến các Doanh nghiệp niêm yết đẩy mạnh phát hành tăng vốn. Theo số liệu tổng kết của UBCKNN thì quy mô tăng vốn và Cổ phần hóa 2014 và 2015 ở mức từ 23.000 đến 24.000 tỷ đồng.

Việc TTCK phát hành tăng vốn nhanh cũng đang và sẽ khiến cung cổ phiếu dồi dào hơn gia tăng nhanh thanh khoản cho thị trường, tăng hiệu quả nền kinh tế trong dài hạn. Nhưng trong ngắn hạn cung cổ phiếu dù là cổ phiếu niêm yết hay OTC đều ảnh hưởng đến dòng tiền trên TTCK, do vậy quá trình này cần thiết phải đi kèm với việc thu hút thêm các dòng vốn đầu tư.

**Chính sách theo hướng mở hơn sẽ có tác động tích cực**

**Các chính sách phát triển thị trường chứng khoán giúp thị trường minh bạch và tạo cơ sở pháp lý cho ra đời nhiều loại hình sản phẩm mới.** Năm 2015, các văn bản pháp quy trong lĩnh vực chứng khoán được ban hành nhiều và có tầm ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của thị trường chứng khoán trong nhiều năm tới ví dụ như: Nghị định 60/2015/NĐ-CP, Nghị định 42/2015/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn gồm Thông tư 123/2015; Thông tư 162/2015; Thông tư 180/2015; Thông tư 203/2015/TT-BTC thay thế thông tư 74/2011/TT-BTC.Trong đó, các Nghị định 60 - quy định mở room cho NĐTNN, Nghị định 42 - tạo nên tảng cho thị trường phái sinh và Thông tư 203/2015/TT-BTC - cho phép nhà đầu tư vừa mua và bán chứng khoán tại cùng thời điểm giao dịch sẽ có ảnh hưởng lớn đến thị trường trong năm 2016.

# Chi tiết các hoạt động kinh doanh

## Môi giới

### Kết quả năm 2015

**Thị phần môi giới cổ phiếu tiếp tục đà tăng trưởng từ cuối năm 2013.** Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, thị phần môi giới cổ phiếu vẫn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2014. Thị phần BSC năm 2015 bình quân cả hai sàn đã tăng trưởng 10,6%, đạt 3,87% và đã vượt 10% so với mức 3,5% như kế hoạch được giao. Đây là năm thứ tư liên tiếp thị phần BSC có sự tăng trưởng (thị phần môi giới bình quân năm 2011 là 1,78%, năm 2012 là 2,19% tăng 23%; năm 2013 là 3,11% tăng 42%; năm 2014 là 3,5% tăng 12,5%; năm 2015 là 3,87% tăng 10,6% ).

**Thị phần môi giới trái phiếu tiếp tục duy trì được vị trí dẫn đầu thị trường.**

**Thị phần môi giới cổ phiếu đạt 3,87%, đứng thứ 9 trên sàn HOSE và có năm thứ 4 tăng trưởng liên tiếp kể từ năm 2012.**

BSC đã quay trở lại TOP10 môi giới cổ phiếu từ cuối năm 2013. Năm 2015, trong điều kiện giá trị giao dịch thị trường suy giảm 13% so với năm 2014, thị trường biến động bất thường do chịu ảnh hưởng lớn từ các thông tin bất lợi từ thế giới và khu vực, thị phần môi giới cổ phiếu BSC vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, vươn lên vị trí thứ 9 trên sàn HOSE. Qua đó tái khẳng định chiến lược phát triển chậm nhưng chắc chắn của BSC đã bước đầu đem lại những thành quả tích cực.

Năm 2015 cũng là năm ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc của khối khách hàng tổ chức, tăng 87% so với 2014.

**Tổng doanh thu từ phí môi giới** là 108,3 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2014 trong bối cảnh thanh khoản bình quân thị trường giảm 13%. Tốc độ sụt giảm doanh thu chỉ bằng một nửa so với tốc độ giảm thanh khoản bình quân thị trường cho thấy sự ổn định và từng bước phát triển trong nền tảng khách hàng của BSC.

**Số lượng tài khoản giao dịch không ngừng gia tăng qua các năm**, khẳng định thương hiệu BSC có sức lan tỏa nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung.

**Tiếp tục phát triển các sản phẩm môi giới mới:**

Với nền tảng khách hàng từng bước tăng trưởng và ổn định, số dư margin của khách hàng tại Công ty tăng gấp 2 lần so với năm 2014.

Cải tiến các sản phẩm tiện ích và hoàn thiện ngôn ngữ trình duyệt cho Mobile Trading Web Trading, Home nhằm phục vụ nhu cầu giao dịch đa dạng của nhà đầu tư một cách nhanh gọn, thuận tiện nhất.

Để hướng tới mục tiêu phát triển các khách hàng là các định chế tài chính lớn, Công ty tiếp tục cải tiến phương thức đặt lệnh qua Bloomberg tạo kênh đặt lệnh chuyên nghiệp cho nhà đầu tư tổ chức đồng thời tích cực tiếp xúc với các quỹ đầu tư. Trong năm 2015 BSC đã hoàn thiện và xây dựng các mô hình hỗ trợ việc dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường, ngành và tổ chức các buổi thuyết trình có quy mô lớn cho khách hàng để khuyến nghị các mã cổ phiếu tốt cho các nhà đầu tư.

**Đẩy mạnh khai thác phát triển khách hàng giao dịch chứng khoán từ mạng lưới khách hàng rộng lớn của BIDV**

Thừa hưởng sức mạnh, vị thế và mạng lưới của ngân hàng mẹ, BSC luôn coi trọng việc phối hợp chặt chẽ với các chi nhánh BIDV nhằm phát triển nền khách hàng rộng lớn có quan hệ tín dụng với BIDV. Sự kết hợp bán chéo sản phẩm này mang lại sự hài lòng của khách hàng, đem lại sự thuận lợi trong việc chuyển dịch từ hình thức tiết kiệm sang đầu tư.

**Biểu đồ doanh thu môi giới các năm**

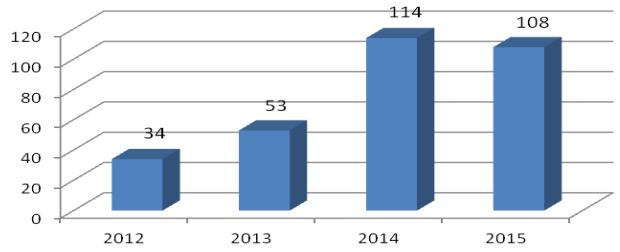


**Biểu đồ số lượng tài khoản mở mới giai đoạn 2012-2015**

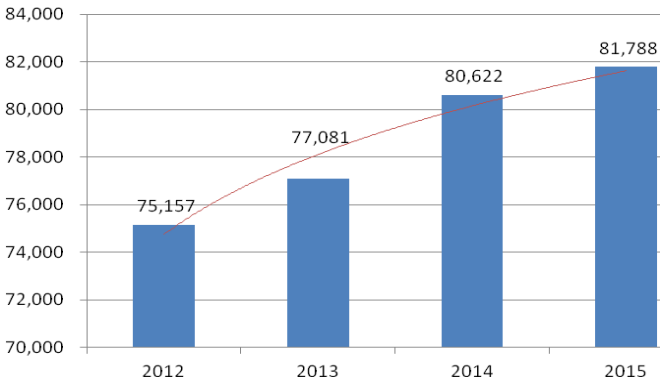

### Định hướng 2016

**Hướng tới mục tiêu duy trì vị trí vững chắc tại Top 10 HSX và HNX.**

**Nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng:** Tập trung tư vấn theo chiều sâu, coi trọng mục tiêu gia tăng lợi nhuận cho khách hàng. Tiếp tục chú trọng đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ môi giới và liên tục tuyển dụng các cán bộ môi giới có kinh nghiệm trên thị trường nhằm nâng cao chất lượng phân tích và tư vấn đầu tư, tạo bản sắc cạnh tranh riêng biệt của BSC.

**Phát triển nền khách hàng tổ chức mới:** Hướng tới tiếp cận và thu hút các khách hàng tổ chức tại các thị trường quốc tế. Nâng cao chất lượng môi giới, tư vấn và tập trung thiết kế các sản phẩm đặc thù cung cấp cho đối tượng khách hàng tổ chức. Từng bước nâng cao tỷ trọng thị phần khách hàng tổ chức trong tổng thị phần tại BSC.

**Tiên phong và chủ động trong việc triển khai các sản phẩm mới**: chứng khoán phái sinh, giao dịch trong ngày theo dự kiến của UBCKNN và các Sở GDCK.

**Hàng năm điều chỉnh chính sách môi giới** để đảm bảo chính sách về phí, các dịch vụ gia tăng với khách hàng. Ngoài ra, các chính sách động lực, chính sách lương thưởng cho khối Môi giới sẽ được điều chỉnh để đảm bảo tính thị trường tạo động lực cho cán bộ nhân viên môi giới gắn bó và phát triển.

## Tư vấn tài chính

### Kết quả 2015

**Giữ vững định hướng, chiến lược tập trung khai thác các khách hàng là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân**, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động. Hoạt động tư vấn tài chính năm 2015 tiếp tục là một mảng hoạt động đem lại danh tiếng cho thương hiệu BSC, điển hình với Giao dịch cổ phần hóa cho ACV.

**Nối tiếp thành công vang dội trong năm 2014 với giải thưởng ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia trao tặng**, Năm 2015, BSC tiếp tục ghi dấu ấn của hoạt động tư vấn với giải thưởng nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam từ tạp chí Finance Asia.

**BSC là Công ty có doanh thu tư vấn tài chính TOP đầu thị trường:** Theo thống kê doanh thu năm 2015 từ mảng tư vấn tài chính của top các Công ty chứng khoán hiện nay. Với mục tiêu hướng tới triển khai dịch vụ tư vấn trọn gói cho khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và thu hẹp dần không triển khai mới đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ. Năm 2015, mảng hoạt động tư vấn tài chính của BSC đã đạt được những thành tựu ấn tượng.

**Tổng doanh thu tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành** năm 2015 là 92.9 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thực hiện năm 2014, đạt vượt 72% so với kế hoạch đề ra. Doanh thu mảng hoạt động này đóng góp 20% tổng doanh thu của Công ty. Các hoạt động chính là hoạt động IPO, cổ phần hóa và tư vấn chào bán, đại lý phát hành trái phiếu. Tính riêng doanh thu tư vấn tư vấn tài chính năm 2015 đạt 60.3 tỷ đồng tăng trưởng xấp xỉ 25% so với cùng kỳ năm 2014. Đặc biệt, việc thực hiện thành công tư vấn IPO ACV đã mang lại tiếng vang lớn trên thị trường.

**Biểu đồ doanh thu tư vấn tài chính từ 2012- 2015**

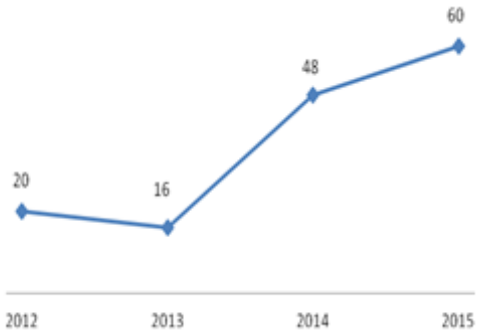


**Thực hiện cac giao dịch quy mô lớn gắn liền với khách hàng có tên tuổi là bàn đạp vững chắc phát triển thương hiệu BSC.** Trong thời gian vừa qua, các giao dịch tư vấn cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng các Tổng Công ty, Tập đoàn đầu ngành đã mang lại tiếng vang lớn cho BSC. Giao dịch là cầu nối mang lại mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa BSC và các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng thêm mạng lưới khách hàng cho không chỉ dịch vụ tư vấn tài chính mà còn hỗ trợ đẩy mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức.

### Định hướng 2016:

**Tiếp tục khẳng định, duy trì và phát triển thế mạnh** của mình, làm nền tảng đóng góp vào sự chuyển động lớn của BSC. Trên cơ sở phát huy tối đa giá trị và thương hiệu vốn, BSC đang có những bước đầu thâm nhập và khai thác mảng hoạt động M&A. Mảng hoạt động này dự báo có tiềm năng lớn trong tương lai đặc biệt trong điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực, các chính sách của nhà nước đang tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gấp rút tái cấu trúc và thực hiện các thương vụ mua bán sáp nhập.

**Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn** là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, ban đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.

**Đối với những doanh nghiệp nhà nước đã trở thành khách hàng của BSC,** trong thời gian tới, BSC sẽ tiếp tục duy trì nhu cầu huy động vốn và phát huy nhu cầu đối với các sản phẩm tài chính đa dạng khác thông qua công tác khách hàng và sản phẩm tư vấn mang tính định kỳ.

**Đối tượng khách hàng được BSC ưu tiên trong thời gian tới là các Tổng Công ty thuộc lĩnh vực cốt lõi của nền kinh tế quốc dân**, bao gồm Hàng không, May mặc, Khoáng sản, Điện v.v. Khách hàng lớn là các Tổng Công ty, Doanh nghiệp đầu ngành, chiếm thị phần chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động. Tiếp cận và phát triển nhóm Khách hàng này là công tác tiền đề dẫn đến các giao dịch lớn và trọng điểm trong giai đoạn phát triển sắp tới của BSC.

**Tận dụng phát triển khách hàng của BIDV***:* Hệ thống ngân hàng mẹ BIDV hiện sở hữu một cơ sở khách hàng doanh nghiệp khá khổng lồ, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với BIDV trong nhiều năm thông qua các chi nhánh. BSC sẽ triển khai phối hợp với chi nhánh BIDV trong việc đánh giá, khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính của các khách hàng doanh nghiệp thân thiết, khách hàng truyền thống, cung cấp các dịch vụ tái cấu trúc hệ thống tài chính doanh nghiệp. Do vậy, nhu cầu đối với loại hình dịch vụ này còn rất lớn và khá nhiều tiềm năng để phát triển.

**Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng thuộc nhóm vừa và nhỏ**. Đây là nhóm doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ lớn nhất, BSC tiếp tục công tác duy trì nhu cầu sử dụng các sản phẩm tài chính thông qua chương trình chăm sóc định kỳ khách hàng thường xuyên.

**Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.** Khai thác triệt để chiến lược Top-Down bằng việc cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính cao cấp cho các Tổng Công ty lớn, đầu ngành để làm điểm tựa tiếp cận xuống hệ thống các doanh nghiệp trực thuộc, có tiềm năng phát triển tốt, tạo nền tảng để BSC cung cấp chuỗi các dịch vụ tư vấn có giá trị gia tăng cao.

## Hoạt động đầu tư

### Kết quả 2015

**Bám sát định hướng chiến lược từ đầu năm 2015, hoạt động đầu tư tiếp tục duy trì được kết quả kinh doanh khả quan, đóp góp vào tăng trưởng trong kết quả chung của toàn hệ thống.**

Với định hướng, chiến lược đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn liên tục, đón đầu được các đợt sóng để tối đa hóa lợi nhuận, phấn đấu trở thành một trong các hoạt động nòng cốt đem lại lợi nhuận cho Công ty. Năm 2015, nhờ điều kiện thị trường thuận lợi và nắm bắt được nhu cầu của thị trường, khai thác tốt nền khách hàng, lợi nhuận đầu tư cơ bản thu được kết quả tích cực. Trong bối cảnh diễn biến thị trường biến động phức tạp vào giai đoạn nửa cuối năm 2015, hoạt động đầu tư của BSC vẫn đạt được doanh thu là 85.4 tỷ đồng, biến động lớn so với năm 2014.

Ngoài ra, để đảm bảo mục tiêu nâng cao chất lượng tài sản và lành mạnh danh mục đầu tư, trong năm 2015 Công ty đã rà soát thoái vốn và tiếp tục thực hiện trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán đối với một số khoản đầu tư.

### Định hướng 2016

**Mục tiêu**: Định hướng, chiến lược của BSC đẩy mạnh hoạt động đầu tư 2016 là giai đoạn BSC có khả năng chấp nhận rủi ro cao hơn khi đã hết lỗ lũy kế, thực hiện đầu tư ngắn hạn, quay vòng vốn nhanh, đảm bảo quản trị rủi ro chặt chẽ để tối đa hóa lợi nhuận.

**Biện pháp:**

Năm bắt cơ hội để thực hiện đầu tư mang lại lợi nhuận trong cả hai mảng cổ phiếu và trái phiếu trong điều kiện nền kinh tế thế giới còn nhiều biến chuyển, nền kinh tế Việt Nam đang dần hồi phục và chính sách vĩ mô có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, lãi suất trong năm 2016 dự báo có chiều hướng đi lên, biên độ dao động hẹp khó dự đoán gây khó khăn cho tự doanh trái phiếu.

## Hoạt động phân tích

### Kết quả 2015

Gần 500 báo cáo phân tích được phát hành trong đó nổi bật là các báo cáo phân tích ngành và triển vọng ngành bao phủ 12 ngành chủ yếu trên thị trường, được dịch ra tiếng Anh và tiếng Nhật. Chất lượng báo cáo được đánh giá cao và dần dần có chỗ đứng trên thị trường.

Xây dựng và triển khai các công cụ phân tích và mô hình dự báo thị trường, hỗ trợ đắc lực cho công tác phân tích và tư vấn khách hàng.

**Cơ cấu tổ chức phòng được xây dựng phù hợp với công việc và tương đồng với xu thế thị trường.** Tổ chức phòng

được chia thành hai nhóm cơ bản bao gồm: nhóm Vĩ mô/Thị trường và nhóm Ngành/Doanh nghiệp. Nền tảng nhân sự ổn định có năng lực trong vòng hai năm trở lại đây là nhân tố thúc đẩy phát triển bền vững của bộ phận Phân tích nói riêng và BSC nói chung.

**Sản phẩm phân tích đa dạng, cải thiện về cả chất và lượng, từng bước gây được tiếng vang và có tác động trên thị trường.** Năm vừa qua, gần 500 báo cáo phân tích được phát hành trong đó nổi bật là các báo cáo phân tích ngành và triển vọng ngành bao phủ 12 ngành chủ yếu trên thị trường, được dịch ra tiếng Anh và tiếng Nhật. Thêm vào đó, các báo cáo phân tích được trình bày chuẩn mực với văn phong tiệm cận với các báo cáo của các Công ty chứng khoán khu vực sẽ là một điểm nhấn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Chất lượng sản phẩm báo cáo phân tích luôn được chú trọng nâng cao, là phương tiện góp phần tạo nên tên tuổi và thương hiệu của BSC trên thị trường.

**Chủ động trong công tác tư vấn và nghiên cứu nhờ vào việc triển khai phát triển các mô hinh, công cụ phân tích.** Các mô hình, công cụ dự báo được áp dụng trong hai năm trở lại đây cho thấy kết quả khả quan, hỗ trợ công tác tư vấn khách hàng một cách chủ động và chính xác hơn. Năm vừa qua, nhóm Vĩ mô/Thị trường đã phát triển và ứng dụng vào các sản phẩm phân tích 3 mô hình dự báo bao gồm: (1) mô hình Markov Switching,(2) Chuỗi thời gian và (3) Tỷ lệ tiền/cổ phiếu.

**Nhận thấy để có thể tạo lập được sự ảnh hưởng đến TTCK và tăng hiệu quả của các báo cáo phân tích và quan điểm của BSC, thì việc thiết lập và xây dựng quan hệ với các bên có ảnh hưởng thị trường là rất quan trọng**. Kế thừa từ các năm trước đó, hoạt động phân tích đã rất tích cực trong việc xây dựng quan hệ với các Công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư. Tiêu biểu là hoạt động kết nối cơ hội đầu tư thông qua phân tích thuyết trình Roadshow IPO ACV với sự tham gia của nhiều định chế tài chinh. Ngoài ra, bộ phận đã tiếp xúc với các khách hàng tổ chức của BSC, và đã có một số buổi thuyết trình dành cho nhóm khách hàng này về TTCK, vĩ mô và cơ hội đầu tư và nhận được phản hồi rất khả quan từ nhóm khách hàng này.

**Đẩy mạnh khảo sát thực địa doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội.** Song song với việc phân tích và nghiên cứu thị trường dựa trên thông tin có sẵn, Phân tích BSC thường xuyên có những cuộc khảo sát thực địa, từ đó đưa ra những phân tích, báo cáo cập nhật bám sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên thị trường.

### Định hướng 2016

Với mục tiêu xây dựng mảng Phân tích một cách bài bản, nhanh nhạy, mạng lưới thông tin rộng so với thị trường, bộ phận chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ và các công cụ, mô hình phân tích đáp đứng được nhu cầu phát triển kết hợp với việc tăng cường khảo sát doanh nghiệp. Từ đó nâng mặt bằng, tạo sức bật cho toàn bộ phận trở thành nền tảng hỗ trợ cho bộ phận môi giới, tự doanh và đón đầu xu hướng mới của thị trường trong các giai đoạn tiếp theo.

Để đạt được mục tiêu kể trên, BSC tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo đội ngũ phân tích nhằm nâng cao chất lượng cán bộ đáp ứng được nhu cầu công việc, tạo nên nền tảng cơ bản tốt và đồng đều so với thị trường. Đồng thời không ngừng nâng cấp các mô hình lượng hóa, dự báo, đánh giá, định giá để phục vụ mục tiêu phân tích và tư vấn đầu tư, nhắm tăng hiệu quả, tốc độ và tính tiện dụng của các công cụ nói trên**,** nâng cao chuẩn mực báo cáo. Ngoài ra, đẩy mạnh công tác khảo sát thực địa các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành kinh tế trọng yếu hoặc có khả năng có cơ hội đầu tư trong năm 2016 nhằm theo dõi, tạo dựng quan hệ và thường xuyên cập nhật với các doanh nghiệp.

## Nhân tố nâng cao năng lực cạnh tranh

### Nguồn nhân lực

Con người là tài sản quý giá nhất trong bất cứ ngành dịch vụ nào, đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính như chứng khoán. Một doanh nghiệp chỉ có thể phát huy được hết tiềm năng khi họ biết thu hút, khuyến khích và giữ chân những nhân viên giỏi nhất cũng như đặt họ vào đúng chỗ, đúng thời điểm để phát triển;

Hoạt động kinh doanh chứng khoán Việt Nam sẽ ngày càng tiệm cận đến các sản phẩm tài chính có hàm lượng chất xám và tri thức cao, do đó yêu cầu về kiến thức, khả năng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp phải được đặt lên hàng đầu.

Chính tư duy đổi mới, đầu óc kinh doanh, khả năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp của tập thể các cá nhân trong tổ chức mới đem lại cho BSC lợi thế cạnh tranh sắc bén. Công nghệ và đổi mới trở thành những nhân tố quan trọng hơn đối với thành công kinh tế. Chìa khóa cho đổi mới và công nghệ chính là con người. BSC phải phát triển và bồi dưỡng những tài năng của mình để đổi mới và sáng tạo sẽ được gắn với đào tạo và giáo dục.

BSC hiểu rằng, chính sức sáng tạo của giới lãnh đạo, thái độ sẵn sàng học hỏi từ kinh nghiệm ở đâu đó, triển khai những ý

tưởng mới nhanh chóng và quyết đoán thông qua một hệ thống dịch vụ hiệu quả và thuyết phục đa số nhân viên rằng rất đáng tiến hành những cải cách mạnh mẽ mới quyết định sự phát triển và tiến bộ của một tổ chức.

### Thực hiện 2015

Năm 2015, thu nhập bình quân người lao động của BSC là: 16,1 triệu đồng/người/tháng. Công ty đã tập trung vào tuyển thay thế theo hướng chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ. Số lượng nhân sự bình quân hàng tháng trong năm đạt 188 cán bộ/tháng. Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 190 người. Nếu như tốc độ tăng trưởng nhân sự toàn Công ty năm 2014 đạt mức 33,62% thì tốc độ này của năm 2015 chỉ đạt 2,72%, con số này phản ánh hoạt động tuyển dụng nhân sự năm 2015 chủ yếu tập trung vào tuyển thay thế theo hướng chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ tại từng vị trí.

Trong năm 2015, BSC cũng đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm đảm bảo quyền lợi và thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động, gia tăng năng suất. Cụ thể:

**Xây dựng và ban hành các quy định, chính sách đảm bảo quyền lợi của người lao động**, đặc biệt là Quy chế dân chủ cơ sở và Quy chế đối thoại (đã được cập nhật lên website bsc.com.vn). Các quy chế này Quy định rõ ràng trách nhiệm và Người lao động và HĐQT, Ban Điều hành và Công đoàn, tập thể người lao động, với mục tiêu phát huy quyền dân chủ của người lao động; chia sẻ tham vấn thông tin, tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa HĐQT, Ban điều hành và Công đoàn, người lao động.

**Hoàn thiện công cụ triển khai hệ thống giao và đánh giá công việc theo KPI:** Được triển khai từ năm 2012, hệ thống giao và đánh giá KPI trở nên ngày càng hoàn thiện và thực sự trở thành công cụ quản trị chiến lược cho các cấp điều hành. Bằng cách hướng mục tiêu trọng tâm của từng cá nhân thống nhất với mục tiêu chung của Công ty, hệ thống giao và đánh giá KPI góp phần tăng năng suất lao động mạnh mẽ.

**Cải thiện cơ chế chính sách lương thưởng**. Hiểu rõ tầm quan trọng của việc thu hút nhân tài, ban lãnh đạo BSC luôn chú trọng yếu tố lương thưởng cho các CBNV. Thông qua các dự án tư vấn chính sách lương, cơ chế lướng thưởng của BSC được cập nhật và cải thiện để theo hướng tiệm cận và cạnh tranh với mặt bằng thi trường. Từ đó, tạo sức hút và gia tăng sự gắn kết các nhân sự tài năng. Năng suất lao động bình quân đầu người (tính trên doanh thu) của Công ty BSC đạt 217,36 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năng suất lao động bình quân giai đoạn 2012 – 2014. Số liệu này phần nào phản ánh chính sách tiền lương của BSC đang dần trở thành đòn bẩy tài chính thúc đẩy người lao động nỗ lực hơn trong công việc.

### Định hướng 2016

Để chuẩn bị cho giai đoạn tăng trưởng và kế hoạch nâng vốn điều lệ Công ty, nhân sự tại BSC năm 2016 sẽ được tiếp tục mở rộng về qui mô. Dự kiến số lượng nhân sự năm 2016 sẽ đạt 219 người, tăng 17% so với năm 2015. Khối kinh doanh tiếp tục được ưu tiên đầu tư nhân sự, đẩy tỷ trọng nhân viên của khối lên hơn 60%.

Về đào tạo, với định hướng nâng cao năng lực và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Công ty sẽ thực hiện rà soát tổng thể mức độ đáp ứng công việc của nhân sự trong Công ty, từ đó có đề ra các chương trình hành động cho hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực năm 2016. Các chương trình đào tạo thông qua các dự án tư vấn tập trung cho các khối Tư vấn tài chính, Phân tích sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh các khối này. Đây là các bộ phận nòng cốt giúp BSC khẳng định vị thế và tầm vóc trên thị trường.

BSC cũng chú trọng đầu tư thêm cho các dự án tư vấn xây dựng lộ trình công danh cho các vị trí công việc trong năm 2016 để nâng cao khả năng thu hút và giữ chân nhân tài.

## Công nghệ thông tin

BSC xác định CNTT tiếp tục là phương tiện để cải thiện năng lực cạnh tranh cho BSC. Chứng khoán là lĩnh vực năng động bậc nhất trong ngành tài chính và luôn luôn cần thiết áp dụng những thành tựu của CNTT để nâng cao năng suất và tạo lợi thế cạnh tranh.

Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại giúp BSC có thể nhanh chóng tiếp nhận, xử lý lệnh của khách hàng qua tất cả các kênh giao tiếp, cung cấp các sản phẩm mới và đảm bảo quản trị tốt các rủi ro, thông qua đó tạo niềm tin và giữ chân nhà đầu tư đồng hành tiếp tục cùng BSC.

### Thực hiện 2015

Đối với ngành cung cấp dịch vụ chứng khoán, công nghệ là yếu tố quan trọng làm nên sức cạnh tranh của các Công ty chứng khoán, quyết định sự tồn tại và phát triển.

Kết thúc dự án hiện đại hóa CNTT năm 2014, hệ thống CNTT của BSC đã được nâng cấp góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng khả năng phát triển các sản phẩm mới và đảm bảo năng lực quản trị rủi ro. Năm 2015, BSC tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư và kiện toàn hệ thống CNTT :

**Tiếp tục hoàn thiện hệ thống Trading online:** Là sản phẩm dịch vụ trực tiếp khách hàng sử dụng, hệ thống giao dịch online của BSC luôn được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Tại BSC, các thông tin phản hồi của khách hàng về chất lượng phần mềm luôn được đón nhận kịp thời, qua đó, chất lượng phần mêm ngày càng được nâng cao.

**Mua sắm, nâng cấp hệ thống máy chủ:** Tiếp tục đầu tư hệ thống máy chủ mới nâng cao tính hiện đại trong hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2015, phòng CNTT BSC đã nghiên cứu và triển khai thành công các tính năng cao cấp của công nghệ ảo hóa máy chủ Vnware, nâng cấp hệ thống máy chủ lên cấp độ cao hơn đảm bảo : Tính sẵn sàng cao, giảm thiểu thời gian chết; Khả năng tùy biến được mở rộng; Tài nguyên phần cứng được sử dụng triệt để; Công tác quản lý và vận hành được tập trung hóa.

**Đầu tư hệ thống sao lưu dữ liệu:** BSC đã xây dựng một hệ thống sao lưu và phục hồi dữ liệu tập trung được quản lý bởi một phần mềm trung tâm đảm nhận việc lưu trữ dữ liệu trên hệ thống lưu trữ mạng**.** Hệ thống sao lưu dữ liệu được đầu tư nâng cấp đã đem lại những ưu điểm vượt trội : việc sao lưu dữ liệu được tự động hóa và an toàn, đơn giản hóa các thao tác phục hồi dữ liệu, cung cấp cơ chế giám sát công việc sao lưu dữ liệu.

### Định hướng 2016

**Phát triển hệ thống CNTT**

Việc thực hiện thành công chiến lược kinh doanh phụ thuộc rất lớn vào việc liên tục phát triển CNTT. Việc đáp ứng nhanh trước các nhu cầu của thị trường dựa vào việc chúng ta áp dụng các thay đổi trong công nghệ nhanh như thế nào. Việc xác định rõ mục tiêu này sẽ cho phép BSC triển khai hệ thống front office và back office có tính an toàn, ổn định, tin cậy, và khuyến khích BSC trong việc đổi mới các sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng. BSC sẽ liên tục đầu tư vào hệ thống, sử dụng công nghệ mới nhất để kiểm soát hiệu quả cũng như cải tiến dịch vụ và hỗ trợ vận hành. Nền tảng công nghệ tiên tiến với hiệu suất cao cho phép BSC đem tới thị trường những dịch vụ, sản phẩm đúng thời điểm. BSC hiểu rõ chất lượng giao dịch là điều hết sức quan trọng, trong việc đặt lệnh chỉ một phần giây nhanh hơn sẽ quyết định yếu tố thành công trong giao dịch cho khách hàng.

Đồng thời, BSC xác định việc xây dựng năng lực lập kế hoạch hợp lý với khả năng điều hành hệ thống một cách chính xác để cung cấp những giao dịch có chất lượng cao. Một trong các yếu tố thành công của Công ty là đưa được các sản phẩm mới phù hợp với sự thay đổi trên thị trường đúng thời điểm.

**Tính ổn định và sẵn sàng**

Môi trường giao dịch ổn định và đồng nhất là một trong các điểm quan trọng để duy trì sự quan tâm của khách hàng.

**Hệ thống khôi phục dữ liệu tự động**

Tất cả các hệ thống quan trọng của Công ty cần được cài đặt phương pháp tự động khôi phục khi có lỗi xảy ra với sự bảo vệ đầy đủ trước bất cứ vấn đề không mong muốn nào. Nhóm hỗ trợ vận hành của Bộ phận CNTT cần có những hiểu biết vững chắc về cách thức vận hành và quy trình của hệ thống, có kỹ năng về kỹ thuật, thời gian đáp ứng yêu cầu để tạo ra môi trường công nghệ ổn định cho các khách hàng.

**An toàn thông tin.**

BSC hiểu rõ tầm quan trọng của an toàn thông tin. Tất cả các thông tin về khách hàng, bao gồm dữ liệu về lịch sử giao dịch được coi là dữ liệu được bảo mật cao. Trong thời gian tới, BSC dự định hợp tác cùng những đối tác tin cậy thực hiện kiểm tra lại hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ, rà soát các điểm yếu, và thực hiện thẩm định để đảm bảo rằng cấp độ an toàn thông tin của BSC đạt tiêu chuẩn quốc tế. BSC sẽ tiếp tục mở rộng việc phòng ngừa và bảo vệ bằng việc áp dụng công nghệ ngăn ngừa thất thoát thông tin.

**Tính cải tiến**

Bộ phận CNTT của BSC cần nhận biết rất rõ tầm quan trọng của công nghệ mới đối với việc kinh doanh. Thời gian tới, BSC sẽ mở rộng các kênh giao dịch di động. Hệ thống ảo hóa được tích hợp để tạo ra khả năng chuyển đổi linh động trong các tình huống nguy cấp. Công nghệ phù hợp cho việc lập kế hoạch chống thảm hoạ được đưa ra để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của môi trường tới việc kinh doanh. Trong những năm tới, BSC sẽ tập trung vào việc ứng dụng Kinh Doanh Điện Tử để nâng cao vị thế cho Công ty cũng như hướng tới tự động các hệ thống quy trình kinh doanh.

## Quản trị rủi ro

### Thực hiện năm 2015

Tại BSC, việc kiểm soát rủi ro đã được triển khai trong tác nghiệp hàng ngày, bao quát được các mặt hoạt động của BSC. Một hệ thống QTRR hoàn chỉnh và thống nhất được kỳ vọng sẽ đảm bảo việc chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng; quản lý rủi ro; ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra; và tuân thủ các quy định của UBCKNN.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ từ các bước thiết lập tình huống xác định rủi ro, đánh giá, phân tích và xử lý rủi ro. Cụ thể như sau:

Thiết lập tình huống rủi ro được bắt đầu từ việc xác định khẩu vị rủi ro được xếp hạng từ thấp đến cao và trên các nguyên tắc đảm bảo khẩu vị rủi ro gắn kết với các mục tiêu và sáng kiến kinh doanh chiến lược của BSC, đảm bảo khẩu vị rủi ro tương thích với quyền lợi và kỳ vọng của các bên liên quan;đảm bảo khẩu vị rủi ro phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro và các giới hạn rủi ro tại BSC; khẩu vị rủi ro phải được chuẩn hóa dưới dạng các thông điệp dễ hiểu và phù hợp với các bên liên quan;khẩu vị rủi ro do Ban điều hành xác định và được HĐQT rà soát, phê duyệt định kỳ ít nhất hàng năm hoặc khi có các biến động trọng yếu.

**Thiết lập khả năng chấp nhận rủi ro**: Khả năng chấp nhận rủi ro là khả năng dùng vốn chủ sở hữu, lợi nhuận kỳ vọng (dự kiến) và cac nguồn lực tài chính sẵn có để bù đắp tại mọi thời điểm tất cả các rủi ro trọng yếu và những tổn thất tiềm ẩn cố hữu mà BSC chấp nhận.

**Xác định các thông số rủi ro**: Rủi ro được BSC xếp hạng bằng cách so sánh với nhau và so với một chuẩn mực nhất định nhằm xác định mức độ liên quan của rủi ro đến hoạt động kinh doanh và tính hiệu quả của các giải pháp hiện tại. Các tiêu chí liên quan được BSC sử dụng khi xây dựng các thông số rủi ro bao gồm nhưng không hạn chế ở các tiêu chí tài chính (doanh thu, lợi nhuận, chi phí, vv), danh tiếng, pháp lý, tuân thủ, khách hàng, nhân sự, gián đoạn kinh doanh.

**Xác định các nhóm rủi ro:** Các nhóm rủi ro được BSC xây dựng như một hướng dẫn để đảm bảo sự thống nhất và hoàn thiện (ở mức có thể) khi nhận diện rủi ro tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh tại BSC. Các nhóm rủi ro là tập hợp tất cả các rủi ro hiện tại hoặc mới xuất hiện mà BSC phải đối mặt, và là một công cụ hữu ích để tiếp tục nhận diện danh mục rủi ro của BSC khi môi trường kinh doanh thay đổi.

**BSC xác định rủi ro dựa vào các nhóm rủi ro được xây dựng cho các bộ phận/phòng/ban tương ứng**. Xác định rủi ro là trách nhiệm của trưởng bộ phận/phòng/ban. Khi phát hiện ra rủi ro, dựa trên hiểu biết của mình, nhân viên phải thông báo với cấp trên trực tiếp của mình về tính chất của rủi ro và mức độ ảnh hưởng có thể của nó. BSC cân nhắc và đánh giá các rủi ro tiềm tàng trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến các các hệ thống và thủ tục hiện tại cũng như đề xuất cho tương lai. Mọi rủi ro được phát hiện được đánh giá và ghi chép lại một cách chi tiết bao gồm cả những kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro và nhân viên trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện những kiểm soát đó.

**Mục tiêu chính của việc phân tích rủi ro tại BSC là để ưu tiên phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn để đối phó với những rủi ro ưu tiên cao.** Xác định nguyên nhân cốt lõi và hậu quả có thể xảy ra của rủi ro: BSC cân nhắc các nguồn rủi ro và những hậu quả có thể xảy ra của các rủi ro. Việc xác định chính xác nguyên nhân và hậu quả sẽ cho phép các giải pháp QTRR được thiết kế và thực hiện hiệu quả hơn. Bên cạnh đó Công ty thực hiện xếp hạng rủi ro được thực hiện nhằm đánh giá tác động và khả năng xảy ra của rủi ro. Xếp hạng rủi ro được đánh giá sau khi xem xét tính hiệu quả của các kiểm soát hiện tại.

**Xử lý rủi ro bằng cách xây dựng các kế hoạch hành động và đồng thời giám sát rà soát liên tục rủi ro.** Đối với các rủi ro ưu tiên cao, BSC xây dựng và thực hiện các kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó việc xem xét và giám sát tình trạng của các rủi ro, tính hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro, chiến lược và các cơ chế thiết lập để thực hiện kiểm soát là rất thiết. BSC giám sát một cách thường xuyên rủi ro và tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát nhằm xác định sự thay đổi thứ tự ưu tiên của các rủi ro trong trường hợp điều kiện môi trường thay đổi.

**Dựa trên nền tảng quản trị rủi ro được phát triển từ năm 2014, BSC tiếp tục xây dựng được các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2016: hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.**

**Rủi ro hoạt động:** BSC đã chuẩn hóa quy trình và các điểm kiểm soát thông qua việc xây dựng/chỉnh sửa/bổ sung các chính sách và quy trình hoạt động như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư… trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ đơn giản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ để giảm thiểu rủi ro.

Đi kèm theo đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm triển khai hệ thống hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng/bổ sung các kịch bản và diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống.

**Rủi ro thị trường:** BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, việc quản lý hạn mức rủi ro thị trường đang được thực hiện hàng ngày, hàng tuần

tại BSC. Việc đo lường tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của BSC được thực hiện hàng ngày và được gửi đến Ban Lãnh Đạo và các phòng kinh doanh. Hàng tuần, các phòng kinh doanh đều được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư.

Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng qua việc báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về tình hình lãi/lỗ của các khoản đầu tư và mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/đối tác, lĩnh vực/ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn…

**Rủi ro thanh toán:** BSC đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính. Rủi ro thanh toán được tính hàng ngày và được báo cáo lên Ban lãnh đạo BSC và các phòng kinh doanh. Ngoài ra, rủi ro thanh toán sẽ được báo cáo trong trường hợp đột xuất làm ảnh hưởng đến tính thanh toán của BSC, hoặc khi có yêu cầu từ Ban lãnh đạo.

**Rủi ro thanh khoản:** BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu năm 2014 dựa trên Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, chỉ số thanh khoản 3 năm gần nhất của BSC và chỉ số thanh khoản trung bình của các CTCK chứng khoán khác trên thị trường nhằm đo lường khả năng thanh khoản và so sánh với các chỉ số mục tiêu để đánh giá tính thanh khoản của BSC.

BSC giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Định kỳ hàng quý, BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản của BSC dựa trên các số liệu tại báo cáo cân đối kế toán được xây dựng hàng tháng. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo.

**Rủi ro pháp lý:** Bộ phận pháp chế của BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC. Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của BSC nhằm đảm bảo tính tuân thủ quy định của pháp luật.

**Ngoài ra, BSC đã tiến hành triển khai dự án FATCA trong năm vừa qua.** Dự án này bao gồm phân tích khe hở, phân tích tài khoản tài chính, sản phẩm và đối tượng nhận thanh toán cho mục đích báo cáo; đăng ký mã số GIIN, hoàn thiện quy trình tiếp nhận khách hàng mới, quy trình rà soát khách hàng hiện tại; các mẫu biểu báo cáo; sổ tay hướng dẫn và chỉnh sửa phần mềm nhằm đáp ứng tuân thủ FATCA. Theo đó, BSC đã xây dựng và ban hành được một bộ 6 quy trình quy chế đầy đủ nhằm đảm bảo cho BSC tuân thủ đạo luật FATCA. Ngoài ra, các trạng thái thông tin về khách hàng cũng được cập nhật hàng ngày đảm bảo kiểm soát thông tin và cung cấp kịp thời cho sở thuế vụ Mỹ như yêu cầu.

## Định hướng 2016

**Với lợi thế từ việc xây dựng và phát triển được một hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế, công tác này trong năm 2016 sẽ tiếp tục phát huy công tác xây dựng, đề xuất và đệ trình các chiến lược, chính sách và quy định quản trị rủi ro phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhằm tăng cường áp dụng các thông lệ tốt về quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp tại BSC.**

**Các quy định** được xây dựng phù hợp với định hướng hoạt động của BSC trong năm 2016, và sẵn sàng chuẩn bị cho sự ra đời của các sản phẩm phái sinh phức tạp hơn sắp được UBCKNN và các Sở Giao dịch cho phép cung cấp ra thị trường.

Ngoài ra, QTRR BSC chú trọng các công tác sau:

**Quản trị rủi ro về gian lận và giao dịch nội gián:** Rà soát và kiểm tra hệ thống phân quyền nhằm nâng cao tối đa công tác bảo mật thông tin.

**Quản trị rủi ro mối Quan hệ thông tin doanh nghiệp**: rủi ro về thông tin sai lệch có thể ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, đây là một rủi ro đã được BSC nhận định và đặc biệt quan tâm từ năm 2015. BSC đã thành lập bộ phận Quan hệ thông tin doanh nghiệp nhằm chuẩn hóa các thông tin được công bố và thiết lập quy trình xử lý các thông tin sai lệch về BSC.

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## Cam kết của Ban Lãnh đạo

**Chúng tôi luôn coi các vấn đề về Cổ đông, Con người, Môi trường và Xã hội là nền tảng để phát triển bền vững**

**Cam kết của BSC xuyên suốt tất cả các khía cạnh của hoạt động kinh doanh** - đó là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng, gia tăng giá trị cổ đông thông qua các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững, xây dựng một môi trường làm việc hấp dẫn, giảm chi phí hoạt động và hạn chế các tác động ảnh hưởng đến môi trường thông qua các hoạt động Xanh.

## Quan hệ Cổ đông

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động Quan hệ nhà đầu tư đối với việc xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty trên thị trường chứng khoán,góp phần ổn định và phát triển hoạt động của doanh nghiệp trong dài hạn, công tác Quan hệ nhà đầu tư đã được chú ý triển khai trong năm 2015. BSC đã xây dựng và ban hành một số các quy định làm nền tảng cho công tác Quan hệ Cổ đông: *Quy chế công bố thông tin; Sổ tay quan hệ cổ đông; Quy chế ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng thông tin.*

### ĐHĐCĐ thường niên

Công tác tổ chức ĐHĐCĐ được BSC quan tâm triển khai một cách chu đáo, tích cực thể hiện sự tôn trọng đối với cổ đông. BSC đăng thông báo kèm theo đầy đủ các tài liệu họp theo quy định trên website và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu để làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội. Ngày 11/04/2014, tại tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng Hà Nội, ĐHĐCĐ thường niên BSC năm 2015 đã được tổ chức thành công. Đại hội được diễn ra công khai và minh bạch, đảm bảo theo yêu cầu pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội. Đại hội đa nhất trí thông qua nhiều nội dung quan trọng và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT. Năm 2015, do BSC chưa hết lỗ lũy kế nên chưa thực hiện chi trả cổ tức. Sau Đại hội, BSC đã hoàn thiện các văn bản được nhất trí thông qua tại Đại hội và đăng tải đầy đủ lên website theo yêu cầu công bố thông tin.

### Công bố thông tin

Với tôn chỉ tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, BSC nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

#### Minh bạch thông tin

BSC đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng và duy trì kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa BSC với cộng đồng các nhà đầu tư, cộng đồng tài chính.

Trong năm 2015, BSC đa thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường, thông tin theo yêu cầu với các nội dung bao gồm: Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm; Báo cáo thường niên; báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán; Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao; Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ đông nội bộ,…

Trong năm 2015, chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư trên website cũng đa được BSC chú trọng cập nhật thông tin nhằm xây dựng một kênh giao tiếp với đông đảo nhà đầu tư. Đồng thời, các nội dung liên quan đến cổ phiếu BSI cũng được cập nhật nhanh chóng nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về cổ phiếu BSI.

#### Duy trì tiếp xúc nhà đầu tư

Trong năm 2015, ngoài việc đối thoại với đông đảo nhà đầu tư tại ĐHĐCĐ thường niên, BSC cũng thực hiện các buổi làm việc trực tiếp để duy trì kênh thông tin chính thức về hoạt động của BSC tới cổ đông cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước, các nhà đầu tư tiềm năng. Đồng thời, bộ phận Quan hệ nhà đầu tư cũng tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi với các Quỹ đầu tư và đối tác về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 với sự tham gia của Ban lãnh đạo BSC. Các buổi làm việc đã tạo được ấn tượng tốt với cộng đồng đầu tư về sự minh bạch trong quản lý điều hành cũng như tăng cường niềm tin của giới đầu tư vào các cam kết của Ban lãnh đạo trong việc mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

#### Định hướng quan hệ nhà đầu tư 2016

Để nâng cao hiệu quả hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư đáp ứng kỳ vọng của các nhà đầu tư, năm 2016 BSC sẽ triển khai nhiều hoạt động hướng đến cộng đồng nhà đầu tư, cộng đồng tài chính như:Tăng cường chất lượng công bố thông tin thông qua việc cải tiến nội dung và hình thức các ấn phẩm truyền thông; chủ động đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của pháp luật Việt Nam trong hoạt động công bố thông tin, hướng tới thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Đẩy mạnh truyền thông về kết quả kinh doanh của BSC với các phân tích, thuyết minh về các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, duy trì tổ chức các cuộc họp với các chuyên gia phân tích, tiếp đón các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư tiềm năng để tìm hiểu về BSC.Tổ chức các khóa học đào tạo chuyên đề để tăng cường năng lực của đội ngũ quan hệ nhà đầu tư, xây dựng hoạt động Quan hệ nhà đầu tư bài bản theo chuẩn mực khu vực và quốc tế. Xây dựng và hoàn

thiện website cũng như nội dung chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư cả 2 nội dungTiếng Việt và Tiếng Anh, bổ sung các thông tin về thị trường chứng khoán và phân tích về cổ phiếu.

## Trách nhiệm với khách hàng

**Đem lại các dịch vụ tốt nhất từ sự tư vấn tận tâm. Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo giá trị của BSC.**

Với định hướng đem lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, trong năm 2015 BSC đã cải thiện nâng cấp hệ thống website, cải tiến các phần mềm và tiện ích mới, cải thiện chất lượng dịch vụ đem lại sự hài lòng cao hơn cho khách hàng.

Đi đôi với việc cải thiện chất lượng các sản phẩm phân tích, đội ngũ tư vấn của BSC đã chủ động tiếp cận và tổ chức các buổi thuyết trình từ quy mô nhỏ đến lớn cho khách hàng, các bản tin hàng ngày, hàng tuần, qua đó nhà đầu tư tại BSC có thể nhanh chóng nắm bắt được các biến động trên thị trường, cập nhật được xu hướng kinh tế vĩ mô, các ngành và chọn được các mã cổ phiếu có chất lượng tốt.

Với đội ngũ chuyên viên tư vấn được đào tạo liên tục và sự phát triển mới không ngừng các sản phẩm môi giới đa dạng, BSC cam kết đem tới cho khách hàng các sự lựa chọn thích hợp nhất, phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro, tình hình tài chính cũng như các nhu cầu khác.

BSC là một trong số rất ít Công ty chứng khoán có thế mạnh về lĩnh vực kinh doanh trái phiếu. Với vị thế 3 năm liên tiếp nằm trong TOP các Công ty dẫn đầu trong mảng môi giới trái phiếu cho khách hàng tổ chức, BSC cam kết đem lại cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất với mức phí cạnh tranh, những sự lựa chọn đầu tư cụ thể cho từng khách hàng.

Chú trọng cải tiến và nâng cấp hệ thống CNTT tiên tiến nhất theo chuẩn mực khu vực và quốc tế, đem lại sự vận hành hiệu quả và ổn định cho khách hàng, đảm bảo lưu trữ và bảo mật thông tin khách hàng ở mức độ cao nhất.

## Trách nhiệm với người lao động

BSC đánh giá cao năng lực của của mỗi cá nhân và luôn chào đón tất cả các ứng viên có tâm huyết tìm kiếm một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, hiện đại. Với tham vọng phát triển vững mạnh, mở rộng tới thị trường khu vực, xây dựng mô hình kinh doanh tiên tiến với trung tâm là **Con người**, BSC tạo dựng môi trường làm việc trẻ, năng động, nhiều điều kiện phát triển nhưng cũng vô cùng thách thức, là nơi cung cấp nhiều cơ hội nghề nghiệp cho các nhân sự trẻ mới bắt đầu khởi nghiệp để họ có thể trải nghiệm, học hỏi và trưởng thành từ những kinh nghiệm nghề nghiệp quý báu.

Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn và kiến thức xã hội, nơi họ đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ, và được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng cho những giá trị cá nhân mang lại.

### Xây dựng năng lực và đào tạo

**BSC luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi cán bộ nhân viên thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó giữ Công ty với người lao động.**

Với định hướng nâng cao năng lực và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực tốt thì nhiệm vụ trọng tâm của công tác nhân sự năm 2016 là tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo. Theo đó Công ty sẽ thực hiện rà soát tổng thể mức độ đáp ứng công việc của nhân sự trong Công ty, từ đó có đề ra các chương trình hành động cho hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực năm 2016.

Trong năm 2015, các khóa đào tạo nâng cao tay nghề người lao động đã được Công ty phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp, có uy tín tổ chức như: đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chiến lược M&A, nâng cao năng lực phân tích kinh tế xã hội, phân tích tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức các khóa tự đào tạo cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ quan trọng và cần thiết, quy chế quy định về tổ chức hoạt động trong Công ty, nhằm giúp các cá nhân nhanh chóng hòa nhập với hoạt động của Công ty.

Các chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, tổ chức công việc cho các cấp Lãnh đạo và các hoạt động phát triển tinh thần đồng đội, kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm hiệu quả cũng thường xuyên được triển khai.

BSC tự hào đã xây dựng được một môi trường làm việc lành mạnh, chuyên nghiệp, thân thiện, xây dựng được một mái nhà chung, an toàn, hạnh phúc nhưng cũng đầy thách thức để tập thể cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, phát huy năng lực và phát triển sự nghiệp.

### Chăm lo đời sống người lao động

Với kết quả kinh doanh đạt nhiều kết quả tích cực, trong bối cảnh năm 2015 là năm BSC chính thức hết lỗ lũy kế, BSC đã từng bước cải thiện các chính sách lương thưởng cạnh tranh và các chính sách phúc lợi cho nhân viên, nhằm khuyến khích động viên và đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

BSC luôn chú trọng duy trì và phát triển tới mức tối đa tình trạng thể chất và tinh thần của người lao động thông qua việc

đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh. Công ty tổ chức khám sức khỏe toàn diện định kỳ hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín hàng đầu, tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe như lớp học yoga, đội bóng đá. Bên cạnh chương trình bảo hiểm theo quy định của pháp luật , BSC cung cấp gói bảo hiểm sức khỏe bổ trợ cho cán bộ nhân viên với các quyền lợi bảo hiểm về điều trị ngoại trú, điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thai sản, trợ cấp mất giảm thu nhập. Đồng thời tổ chức các chương trình tham quan - nghỉ mát - hoạt động cộng đồng, chính sách cộng thêm ngày nghỉ phép, kết hôn, sinh con, sinh nhật,…

BSC liên tục phát động các phong trào thi đua văn hóa, văn nghệ, truyền thông với mục đích tạo ra sân chơi, động lực cho các phòng ban, cá nhân người lao động trong Công ty, gia tăng sự gắn kết với nhau, với tập thể. Từ giác độ cá nhân, gia đình đến các khối kinh doanh, phong trào thi đua văn hóa văn nghệ truyền thông đã được xây dựng, phát động với nhiều chương trình đa dạng.

## Trách nhiệm với môi trường

### Sự chuẩn bị của các cơ quan quản lý

Trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Việt – Đức "Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng Xanh", ngày 28/10/2015, UBCKNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức tổ chức Hội nghị chuyên đề "Khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh".

BSC được biết trước mắt UBCKNN khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường vốn xanh trên tinh thần tự nguyện. Trong thời gian tới, với sự ủng hộ, phối hợp của các Bộ, ngành, các đơn vị liên quan, và sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức, UBCKNN sẽ xây dựng và triển khai một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thực hiện thành công chiến lược tăng trưởng xanh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

***Các chính sách về thị trường vốn xanh bao gồm:***

- Thiết lập một khung tài chính xanh cho các hoạt động trên thị trường vốn như: ban hành các quy định, điều kiện khi niêm yết cổ phiếu (niêm yết xanh), báo cáo (trong báo cáo bên vững) và trong giám sát (theo các tiêu chí tài chính xanh).
- Huy động vốn đầu tư cho tăng trưởng xanh thông qua thị trường vốn cho các doanh nghiệp, dự án và sản phẩm xanh thông qua niêm yết, phát hành cổ phiếu xanh.
- Phát hành trái phiếu, chứng chỉ đầu tư,... cho các dự án, chương trình và lĩnh vực xanh.
- Xây dựng các bộ chỉ số xanh để theo dõi, đánh giá và giao dịch trên thị trường vốn.
- Ban hành quy chế hoặc hướng dẫn về quản trị rủi ro môi trường xã hội cho các tô chức thị trường, cho các thành viên thị trường là các định chế tài chính và các doanh nghiệp niêm yết.
- Hoạt động của Sở giao dịnh chứng khoán bền vững.

***Các sản phẩm của thị trường vốn xanh bao gồm***

- Trái phiếu xanh là các trái phiếu của doanh nghiệp xanh, phát hành cho các dự án xanh hoặc các sản phẩm xanh.
- Trái phiếu chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương, phục vụ cho các mục tiêu, chương trình, dự án xanh.
- Các chỉ số xanh, chí số bền vừng, chỉ sổ Carbon.
- Các chứng chỉ, chứng chỉ đầu tư xanh của các Quỹ đầu tư phát hành.

### Quan điểm và hành động của BSC

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán cũng là một thành viên thị trường chứng khoán Việt Nam từ những ngày đầu thành lập, BSC nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển kinh tế của một tổ chức và rộng hơn là quốc gia. BSC sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

***Trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng*:** Trong quá trình thực hiện các dự án tư vấn phát hành trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp, BSC đặc biệt quan tâm đến các nội dung phát triển bền vững thông qua việc tư vấn sử dụng nguồn tài chính của đợt phát hành để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh mang tính bền vững của Doanh nghiệp. Dự án điển hình: tư vấn cho Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, với mục đích dùng vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng cho thành phố, ….

***Trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tiêu dùng sản phẩm*:** BSC biến bảo vệ môi trường thành một thói quen, một lối sống trong công ty. Quan niệm ý thức bảo vệ môi trường được bắt đầu tư những việc nhỏ trong đời sống hàng ngày, năm 2015, BSC tiếp thực hiện các chương trình văn phòng xanh, qua đó thúc đẩy tích cực vào việc hình thành thói quen, ý thức bảo vệ môi trường của CBNV BSC. Cụ thể như sau:

- **Tiết kiệm năng lượng điện:** Việc làm đơn giản như tắt đèn khi không sử dụng điện, ưu tiên sử dụng bóng đèn

tiết kiếm điện đã trở thành qui định ngầm tại BSC mà bất kỳ cá nhân nào cũng phải tuân thủ. Bằng biện pháp đó thói quen tiết kiệm điện dần hình thành ở từng cá nhân, góp phần đáng kể cho việc sử dụng năng lượng tiết kiệm của văn phòng. Người đi trước nhắc người đi sau, thói quen sử dụng điện tiết kiệm dần đi vào nếp sống, văn hóa Công ty. Ngay cả nhân viên mới vào cũng nhanh chóng tiếp thu nếp sống tích cực này.

- **Phân loại rác vô cơ hưu cơ:** Hưởng ứng tích cực phòng trào bảo vệ môi trường thông qua các biện pháp tái chế. CBNV BSC đã thực hiện phân loại rác vô cơ và hưu cơ, góp phần tích cực cho công tác tái chế.
- **Sử dụng giấy tiết kiệm:** Khuyến khích in văn bản 2 mặt, lưu trữ văn bản theo hệ thông lưu trữ điện tử, sử dụng gấy tái chế và giấy bảo vệ môi trương trong các ấn phẩm phát hành,… là các biện pháp tích cực được CBNV BSC thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường.
- **Xanh hóa văn phòng:** Năm 2015, BSC tiếp tục phát động phong trào cây xanh văn phòng vừa để tăng tính thẩm mỹ chung, tạo không khí thư giãn trong quá trình làm việc vừa phân giải các chất độc trong không khí, khí nóng thải ra từ máy móc và con người làm việc.

## Trách nhiệm xã hội (CSR)

Tinh thần vì công đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được BSC đề cao. Hàng năm, CBCNV BSC đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện. Năm 2015 tiếp tục là năm mà hàng loạt các chương trình hỗ trợ, tình nguyện của BSC được thực hiện. Các chương trình từ thiện BSC tổ chức/tham gia không đơn thuần là chuyện của doanh nghiệp đi làm từ thiện, mà chính là cuộc hành trình của những trái tim đầy nhiệt huyết sẵn sàng vượt chặng đường hàng ngàn cây số để sẻ chia lòng yêu thương đến tận vùng rừng núi xa xôi, đến từng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong cuộc sống. Cho đi là để góp phần tái thiết tổ quốc được thịnh vượng hơn.

### Chương trình từ thiện “Hơi ấm Chiềng Ken

BSC đã tổ chức chương trình từ thiện “Hơi ấm Chiềng Ken” tại xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trong 02 ngày 24-25/1/2015. Trong chương trình này, tập thể CBNV BSC đã tìm hiểu cơ sở vật chất nhà trường và trao tặng các em học sinh khó khăn những món quà thiết thực: xe đạp, quần áo, tất, mũ, chăn ấm và các công cụ học tập thiết yếu,…

### Chương trình từ thiện "Xuân Phú - Tết yêu thương“

Chương trình được tổ chức tại xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ngày 7-8/2/2015. Các hoạt động chính gồm: tổ chức chương trình "Ngày hội trẻ thơ" cho 200 em học sinh tiểu học và trao học bổng học sinh nghèo vượt khó; thăm và tặng quà Tết cho 5 mẹ Việt Nam anh hùng sống neo đơn; 25 hộ gia đình người dân tộc có hoàn cảnh khó khăn; và trao quà và nấu 200 suất bánh canh gà cho gần 100 hộ dân nghèo tại Trung tâm Hoàng tử bé, tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

### Hưởng ứng chương trình “Giọt máu nghĩa tình 2015 – mùa thứ 3”

Nhân dịp Sở HNX phối hợp cùng Viện Huyết học – Truyền máu TW tổ chức chương trình “Giọt máu nghĩa tình 2015 – mùa thứ 3” ngày 12/06/2015, CBNV BSC đã hưởng ứng tham gia tình nguyện hiến máu nhân đạo.

### Tham gia chương trình "Cùng em cắp sách tới trường"

Trong 3 ngày 25-27/09/2015 BIDV tổ chức đã tổ chức chương trình "Cùng em cắp sách tới trường", ĐTN BSC quyên góp 1000 quyển vở cho các em học sinh tại xã Thài Pìn Tủng, Lũng Cú, Hà Giang.

### Tham gia chương trình "Mái ấm cho vùng cao 2015 – 2016"

Tham gia chương trình "Mái ấm cho vùng cao 2015 – 2016" do UBCKNN, Sở GDCK, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD)…cùng các Công ty chứng khoán Việt Nam chung tay xây dựng điểm trường tiểu học – mẫu giáo tại bản Noong Khắt, xã Ngọc Long, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

## Văn hóa doanh nghiệp – nền tảng phát triển bền vững

**Được thành lập từ những năm đầu khi thị trường chứng khoán Việt nam mới hình thành, Văn hóa BSC đã được hun đúc tạo nên các giá trị, quan niệm và truyền thống thấm nhuần vào mọi hoạt động kinh doanh. Sức mạnh của văn hóa BSC không chỉ nằm ở lối tư duy đã thành nếp mà ở cả khả năng bao quát, sáng tạo và thực tiễn trong việc theo đuổi thực hiện mục tiêu công việc.**

Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén, tạo nên sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường và xây dựng **hình ảnh BSC tốt đẹp trong tâm thức của khách hàng và xã hội.**

**Tôn trọng cá nhân**

**Tại BSC, chúng tôi chú trọng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cho phép có sự trao đổi và cạnh tranh các ý tưởng một cách tự do, theo đó, mỗi quan điểm đều được lắng nghe, khuyến khích bày tỏ, sáng tạo và chia sẻ khó khăn.**

**Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, định hướng nghề nghiệp cho cán bộ, giúp các cá nhân hát huy tối đa năng lực**

### Sáng tạo

Văn hóa doanh nghiệp với sức sáng tạo, khả năng mau hồi phục và tinh thần đổi mới cho phép BSC đương đầu được với những vấn đề cốt lõi của mình, vượt qua khó khăn và lấy lại được vị thế của những năm đầu thành lập. Tầm vóc của BSC thể hiện không chỉ phản ánh qua sức mạnh và năng lực tài chính của mình mà vươn lên từ những ý tưởng tuyệt vời. Chúng tôi hiểu rằng chỉ có sức mạnh lớn lao của nền văn hóa sáng tạo mới thúc đẩy sự chia sẻ ý tưởng và trách nhiệm của mình với thị trường và cộng đồng để thiết lập một tổ chức thịnh vượng hơn.

### Tận tâm

Cán bộ BSC tôn trọng và gắn bó đạo đức nghề nghiệp với trách nhiệm thực hiện công việc. Bằng tất cả nỗ lực, những sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng đều là thành quả của quá trình lao động sáng tạo nghiêm túc. Sự tận tâm của cán bộ BSC thể hiện qua:

- Tinh thần trách nhiệm hoàn thành công việc tốt nhất và đúng hạn, chú trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và đồng nghiệp.
- Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ để phục vụ hiệu quả và làm hài lòng tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Sự trung thực và thẳng thắn, sẵn sàng nói thẳng, nói thật để công việc được tốt hơn, trên cơ sở tôn trọng bản thân và tôn trọng đồng nghiệp.
- Thái độ tích cực thể hiện qua lòng ham mê nhiệt huyết trong công việc mỗi ngày, sẵn sàng học hỏi, nâng cao năng lực với tinh thần cầu thị.

# Báo cáo
# TÀI CHÍNH

# THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1,10,11 - Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| *Họ và tên* | *Chức vụ* | *Ngày bổ nhiệm* |
|---|---|---|
| Ông Đoàn Ánh Sáng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2014 |
| Ông Đỗ Huy Hoài | Phó chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 |
| Ông Nguyễn Thiều Sơn | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Lê Ngọc Lâm | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Quốc Hưng | Ủy viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010<br>Miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015 |

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| *Họ và tên* | *Chức vụ* | *Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm* |
|---|---|---|
| Bà Bùi Thị Hòa | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010<br>Miễn nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2015 |
| Bà Phạm Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2015 |
| Bà Hoàng Thị Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 |
| Ông Trần Minh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 07 năm 2011 |

# THÔNG TIN CHUNG *(tiếp theo)*

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

| *Họ và tên* | *Chức vụ* | *Ngày bổ nhiệm* |
|---|---|---|
| Ông Đỗ Huy Hoài | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 |
| Bà Trần Thị Thu Thanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2010 |
| Ông Lê Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2012 |
| Bà Ngô Thị Phong Lan | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014 |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Hoài - Chức danh: Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán của Công ty.

# BÁO CÁO CỦA
# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Đỗ Huy Hoài

Hà Nội, Việt Nam

*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# BÁO CÁO
# KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Số tham chiếu: 60758150/17932038**

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

## *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

**Saman Wijaya Bandara**
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

**Trần Mai Thảo**
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2466-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *TÀI SẢN* | *Thuyết minh* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **2.353.475.635.431** | **1.806.730.363.550** |
| ***110*** | ***I. Tiền và các khoản tương đương tiền*** | ***4*** | ***325.923.379.520*** | ***442.321.779.588*** |
| 111 | 1. Tiền | | 315.923.379.520 | 322.321.779.588 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 10.000.000.000 | 120.000.000.000 |
| ***120*** | ***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***6*** | ***1.383.110.313.795*** | ***771.066.970.515*** |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | | 1.663.031.595.259 | 998.405.442.180 |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (279.921.281.464) | (227.338.471.665) |
| ***130*** | ***III. Các khoản phải thu ngắn hạn*** | ***7*** | ***643.648.124.281*** | ***592.588.207.008*** |
| 131 | 1. Phải thu của khách hàng | | 6.248.363.841 | 5.906.144.087 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | | 245.000.000 | 43.697.500 |
| 135 | 3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | | 644.183.177.258 | 595.211.081.429 |
| 138 | 4. Các khoản phải thu khác | | 5.885.914.204 | 4.255.311.858 |
| 139 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7,8 | (12.914.331.022) | (12.828.027.866) |
| ***140*** | ***IV. Hàng tồn kho*** | ***9*** | ***22.895.835*** | ***24.757.439*** |
| ***150*** | ***V. Tài sản ngắn hạn khác*** | | ***770.922.000*** | ***728.649.000*** |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | | - | - |
| 158 | 2. Tài sản ngắn hạn khác | 10 | 770.922.000 | 728.649.000 |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *TÀI SẢN* | *Thuyết minh* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **37.683.986.806** | **36.504.764.486** |
| ***220*** | ***I. Tài sản cố định*** | | ***5.657.630.180*** | ***2.299.800.285*** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11.1 | 4.725.530.514 | 1.800.987.845 |
| *222* | *Nguyên giá* | | *15.126.129.807* | *11.407.842.267* |
| *223* | *Giá trị hao mòn lũy kế* | | *(10.400.599.293)* | *(9.606.854.422)* |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11.2 | 932.099.666 | 498.812.440 |
| *228* | *Nguyên giá* | | *1.937.980.000* | *1.437.980.000* |
| *229* | *Giá trị hao mòn lũy kế* | | *(1.005.880.334)* | *(939.167.560)* |
| ***250*** | ***II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*** | ***6*** | ***9.745.693.643*** | ***16.345.823.700*** |
| 253 | 1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn | | 9.745.693.643 | 16.345.823.700 |
| *254* | *Chứng khoán sẵn sàng để bán* | | - | - |
| *255* | *Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn* | | *9.745.693.643* | *16.345.823.700* |
| 259 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| ***260*** | ***III. Tài sản dài hạn khác*** | | ***22.280.662.983*** | ***17.859.140.501*** |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 980.745.615 | - |
| 263 | 2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 12 | 18.408.267.264 | 14.885.767.397 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | 2.891.650.104 | 2.973.373.104 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **2.391.159.622.237** | **1.843.235.128.036** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *NGUỒN VỐN* | *Thuyết minh* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **A. NỢ PHẢI TRẢ** | | **1.522.024.254.263** | **1.075.328.323.036** |
| ***310*** | ***I. Nợ ngắn hạn*** | | ***1.522.024.254.263*** | ***1.075.328.323.036*** |
| 311 | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 13 | 623.600.000.000 | 234.000.000.000 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 2.260.446.410 | 2.021.879.881 |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | | 1.454.338.206 | 1.645.884.733 |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 2.986.873.425 | 4.892.734.339 |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | 15 | 11.299.189.666 | 9.364.772.385 |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 16 | 309.226.620 | 510.314.444 |
| 319 | 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 17 | 1.723.367.697 | 51.670.889.184 |
| 320 | 8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 18 | 309.343.132.343 | 372.342.297.579 |
| 321 | 9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | | 22.051.140.722 | 5.922.990.967 |
| 327 | 10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 546.996.539.174 | 392.956.559.524 |
| **400** | **B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **19** | **869.135.367.974** | **767.906.805.000** |
| ***410*** | ***I. Vốn chủ sở hữu*** | | ***869.135.367.974*** | ***767.906.805.000*** |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 865.000.000.000 | 865.000.000.000 |
| 415 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 241.713.457 | 241.713.457 |
| 418 | 3. Quỹ dự phòng tài chính | | 207.782.726 | - |
| 419 | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 207.782.726 | - |
| 420 | 5. Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) | | 3.478.089.065 | (97.334.908.457) |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **2.391.159.622.237** | **1.843.235.128.036** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | | *CHỈ TIÊU* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
|---|---|---|---|---|
| **001** | **1.** | **Tài sản cố định *thuê* ngoài (VND)** | **994.635.000** | **994.635.000** |
| **004** | **2.** | **Nợ *khó đòi đã xử lý*** | **403.248.614** | **1.472.000.000** |
| **005** | **3.** | **Ngoại *tệ các loại (USD)*** | **442** | **7.946** |
| **006** | **4.** | **Chứng *khoán lưu ký*** | **25.402.096.940.000** | **22.325.470.170.000** |
| | | *Trong đó* | | |
| ***007*** | ***4.1.*** | ***Chứng khoán giao dịch*** | ***18.168.622.550.000*** | ***14.666.511.030.000*** |
| 008 | 4.1.1. | Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 90.340.240.000 | 110.185.840.000 |
| 009 | 4.1.2. | Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 17.597.343.900.000 | 14.070.033.830.000 |
| 010 | 4.1.3. | Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 480.938.410.000 | 486.291.360.000 |
| ***012*** | ***4.2.*** | ***Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*** | ***105.268.790.000*** | ***94.027.120.000*** |
| 014 | 4.2.2. | Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 105.268.790.000 | 94.027.120.000 |
| ***017*** | ***4.3.*** | ***Chứng khoán cầm cố*** | ***6.564.865.820.000*** | ***2.193.690.040.000*** |
| 018 | 4.3.1. | Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | 598.500.000.000 | 364.660.000.000 |
| 019 | 4.3.2. | Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 5.966.365.820.000 | 1.829.030.040.000 |
| ***027*** | ***4.5.*** | ***Chứng khoán chờ thanh toán*** | ***285.442.110.000*** | ***4.927.019.840.000*** |
| 028 | 4.5.1. | Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký | 51.845.110.000 | 2.032.990.000 |
| 029 | 4.5.2. | Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 232.127.000.000 | 4.924.986.850.000 |
| 030 | 4.5.3. | Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài | 1.470.000.000 | - |
| ***032*** | ***4.6.*** | ***Chứng khoán phong tỏa chờ rút*** | ***143.187.390.000*** | ***439.058.620.000*** |
| 034 | 4.6.2. | Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước | 143.187.390.000 | 438.629.020.000 |
| 035 | 4.6.3. | Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài | - | 429.600.000 |
| ***037*** | ***4.7.*** | ***Chứng khoán chờ giao dịch*** | ***134.710.280.000*** | ***5.163.520.000*** |
| 038 | 4.7.1. | Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký | 180.000 | - |
| 039 | 4.7.2. | Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 134.298.770.000 | 5.021.740.000 |
| 040 | 4.7.3. | Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài | 411.330.000 | 141.780.000 |
| ***042*** | ***4.8.*** | ***Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay*** | - | **-** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | | *CHỈ TIÊU* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
|---|---|---|---|---|
| **050** | **5.** | **Chứng khoán lưu ký Công ty đại chúng chưa niêm yết** | **517.844.770.000** | **490.025.200.000** |
| | | *Trong đó* | | |
| ***051*** | ***5.1.*** | ***Chứng khoán giao dịch*** | ***378.326.210.000*** | ***467.830.640.000*** |
| 052 | 5.1.1. | Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 52.180.000 | 18.680.000 |
| 053 | 5.1.2. | Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 288.669.720.000 | 466.266.530.000 |
| 054 | 5.1.3. | Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 89.604.310.000 | 1.545.430.000 |
| ***056*** | ***5.2.*** | ***Chứng khoán tạm ngừng giao dịch*** | ***49.530.430.000*** | ***7.136.760.000*** |
| 058 | 5.2.1. | Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 15.530.430.000 | 7.136.760.000 |
| 059 | 5.2.2. | Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài | 34.000.000.000 | - |
| ***076*** | ***5.3.*** | ***Chứng khoán phong tỏa chờ rút*** | ***89.988.130.000*** | ***15.057.800.000*** |
| 078 | 5.3.1. | Chứng khoán chờ rút của khách hàng trong nước | 89.988.130.000 | 15.057.800.000 |
| **082** | **6.** | **Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng** | **-** | **196.422.570.000** |
| **083** | **7.** | **Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty chứng khoán** | **451.430.240.000** | **142.398.370.000** |

| Người lập: | Người phê duyệt: | Người phê duyệt: |
|---|---|---|
| Bà **Lê Phương Thủy** | Bà **Trần Ngọc Diệp** | Ông **Đỗ Huy Hoài** |
| Kế toán | Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán | Tổng Giám đốc |

Hà Nội, Việt Nam

*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **01** | **1. Doanh thu** | **20** | **465.288.302.248** | **531.113.434.438** |
| | *Trong đó:* | | | |
| 01.1 | - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | | 108.286.654.674 | 113.909.386.241 |
| 01.2 | - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | | 85.407.365.392 | 150.614.782.487 |
| 01.3 | - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| 01.4 | - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | | 30.188.469.484 | 41.095.686.550 |
| 01.5 | - Doanh thu hoạt động tư vấn | | 60.279.829.904 | 48.268.280.941 |
| 01.6 | - Doanh thu lưu ký chứng khoán | | 9.378.254.036 | 6.297.646.625 |
| 01.9 | - Doanh thu khác | | 169.347.728.758 | 168.527.651.594 |
| **02** | **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | **20** | **-** | **-** |
| **10** | **3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh** | **20** | **465.288.302.248** | **531.113.434.438** |
| **11** | **4. Chi phí hoạt động kinh doanh** | **21** | **(353.935.124.640)** | **(464.365.810.871)** |
| | *Trong đó:* | | | |
| | - Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán | | (301.352.314.841) | (316.905.454.652) |
| | - Chi phí dự phòng chứng khoán | | (52.582.809.799) | (147.460.356.219) |
| **20** | **5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh** | | **111.353.177.608** | **66.747.623.567** |
| **25** | **6. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **22** | **(9.351.493.037)** | **9.111.078.146** |
| **30** | **7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **102.001.684.571** | **75.858.701.713** |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 5.471.818 | 40.492.565 |
| 32 | 9. Chi phí khác | | (516.593.415) | (221.887.912) |
| **40** | **10. Lỗ khác** | | **(511.121.597)** | **(181.395.347)** |
| **50** | **11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **101.490.562.974** | **75.677.306.366** |
| **51** | **12. Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **14** | - | - |
| **52** | **13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại** | | - | - |
| **60** | **14. Lợi nhuận sau thuế TNDN** | | **101.490.562.974** | **75.677.306.366** |
| **70** | **15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **23.4** | | **875** |

| Người lập: | Người phê duyệt: | Người phê duyệt: |
|---|---|---|
| Kế toán | Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán | Tổng Giám đốc |

Hà Nội, Việt Nam

*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN** | | | |
| **01** | **1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **101.490.562.974** | **75.677.306.366** |
| | **2. Điều chỉnh cho các khoản** | | **(39.394.668.411)** | **2.896.389.710** |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | | 860.457.645 | 920.668.977 |
| 03 | Các khoản lập dự phòng | | 52.669.112.955 | 132.425.505.192 |
| 05 | Lãi hoạt động đầu tư | | (194.134.680.778) | (234.739.916.213) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 101.210.441.767 | 104.290.131.754 |
| **08** | **3. Lỗ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động** | | **62.095.894.563** | **78.573.696.076** |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (47.725.459.033) | (305.646.228.149) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (534.619.203.445) | (98.561.774.800) |
| | Trong đó: | | | |
| | Tăng chứng khoán thương mại | | (534.621.065.049) | (98.559.192.726) |
| 11 | (Giảm)/Tăng các khoản phải trả | | (96.215.263.979) | 409.737.062.772 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (980.745.615) | - |
| 13 | Tiền lãi vay đã trả | | (100.668.786.561) | (103.091.283.642) |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | - | - |
| 15 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 138.228.637 | 643.433.678 |
| 16 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (2.722.550.000) | (3.692.430.207) |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh** | | **(720.697.885.433)** | **(22.037.524.272)** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (4.734.867.540) | (1.762.740.000) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | 27.909.090 |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (363.179.117.110) | (601.120.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 248.726.960.981 | 300.000.000.000 |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 11.000.877.700 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 180.640.989.034 | 231.075.454.634 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư** | | **61.453.965.365** | **(60.778.498.576)** |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
|---|---|---|---|---|
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 33 | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 12.912.279.400.000 | 13.045.000.000.000 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (12.369.433.880.000) | (12.830.000.000.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | | **542.845.520.000** | **215.000.000.000** |
| **50** | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **(116.398.400.068)** | **132.183.977.152** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **4** | **442.321.779.588** | **310.137.802.436** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| **70** | **Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm** | **4** | **325.923.379.520** | **442.321.779.588** |

| Người lập: | Người phê duyệt: | Người phê duyệt: |
|---|---|---|
| Bà **Lê Phương Thúy** | Bà **Trần Ngọc Diệp** | Ông **Đỗ Huy Hoài** |
| Kế toán | Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán | Tổng Giám đốc |

Hà Nội, Việt Nam

*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B05-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: *VNĐ*

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | | | Số dư cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Ngày 01 tháng 01 | Ngày 01 tháng 01 năm 2015 (Trình bày | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) | | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| | | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 865.000.000.000 | 865.000.000.000 | - | - | - | - | 865.000.000.000 | 865.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ | | 241.713.457 | 241.713.457 | - | - | - | - | 241.713.457 | 241.713.457 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | | - | - | - | - | 207.782.726 | - | - | 207.782.726 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*) | | - | - | - | - | 207.782.726 | - | - | 207.782.726 |
| 5. Lợi nhuận lũy kế | | (172.796.214.823) | (97.334.908.457) | 75.677.306.366 | (216.000.000) | 101.490.562.974 | (677.565.452) | (97.334.908.457) | 3.478.089.065 |
| **Tổng cộng** | | **692.445.498.634** | **767.906.805.000** | **75.677.306.366** | **(216.000.000)** | **101.906.128.426** | | **767.906.805.000** | **869.135.367.974** |

(*) Đây là Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014.

| Người lập: | Người phê duyệt: | Người phê duyệt: |
|---|---|---|
| Bà **Lê Phương Thủy** | Bà **Trần Ngọc Diệp** | Ông **Đỗ Huy Hoài** |
| Kế toán | Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán | Tổng Giám đốc |

Hà Nội, Việt Nam

*Ngày 25 tháng 03 năm 2016*

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là BIDV Securities Joint Stock Company (gọi tắt là BSC) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1,10,11 - Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### *Vốn Điều lệ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Công ty là 865.000.000.000 VND.

### *Nhân viên*

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 190 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 187 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### *2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

### *2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Sổ nhật ký chung.

### *2.3 Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

### *2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### *3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư này thay thế chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Dưới đây là một số điểm mới của Thông tư 200 có ảnh hưởng đến công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty:

- Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu và các khoản có tính chất tương tự được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn:
  - Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
  - Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác).
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán:
  - Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
  - Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### *3.2 Các chính sách mới được ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

### *3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.4 Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào *"Chi phí quản lý doanh nghiệp"* trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| *Thời gian quá hạn* | *Mức trích dự phòng* |
|---|---|
| Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

### *3.5 Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### *3.6 Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.7 Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Máy móc thiết bị | 5 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 – 15 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 4 năm |
| Tài sản cố định vô hình khác | 2 – 20 năm |

### *3.8 Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### *3.9 Đầu tư chứng khoán*

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

#### *3.9.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn khác.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

#### *3.9.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.9 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)*

*3.9.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)*

- Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

*3.9.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác*

Các khoản đầu tư khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

### *3.10 Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

*3.10.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.10 Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư (tiếp theo)*

*3.10.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư chứng khoán dài hạn (tiếp theo)*

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất của Công ty.

*3.10.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó:

- Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

### *3.11 Các hợp đồng mua lại*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

### *3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### *3.13 Lợi ích của nhân viên*

*3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.13 Lợi ích của nhân viên* (tiếp theo)

#### *3.13.2 Trợ cấp thôiviệc*

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* Theo Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các thù lao khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

*Trợ cấp mất việc:* Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

#### *3.13.3 Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### *3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc USD được đánh giá lại theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### *3.15 Ghi nhận doanhthu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Các nghiệp vụ mua lại chứng khoán*

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

### 3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

### 3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)*

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *3.18 Các quỹ*

Theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm nếu không còn lỗ lũy kế để trích lập các quỹ như sau:

| | *Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế* | *Mức trích lập tối đa* |
|---|---|---|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5% | 10% vốn điều lệ |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.19 Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| **Tiền** | **315.923.379.520** | **322.321.779.588** |
| Tiền mặt | 73.075.676 | 90.806.121 |
| Tiền gửi ngân hàng | 315.850.303.844 | 322.230.973.467 |
| *Trong đó:* | | |
| - *Tiền gửi ngân hàng của Công ty* | *159.022.143.781* | *205.392.055.863* |
| - *Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư (Thuyết minh 18)* | *156.828.160.063* | *116.838.917.604* |
| **Các khoản tương đương tiền** | **10.000.000.000** | **120.000.000.000** |
| | **325.923.379.520** | **442.321.779.588** |

## 5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

| | *Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)* | *Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)* |
|---|---|---|
| **1. Của Công ty** | **255.942.185** | **25.340.000.431.058** |
| Cổ phiếu | 27.872.317 | 719.381.833.000 |
| Trái phiếu | 228.069.868 | 24.620.618.598.058 |
| **2. Của nhà đầu tư** | **4.214.931.424** | **117.453.316.009.536** |
| Cổ phiếu | 3.569.451.303 | 48.829.523.378.300 |
| Trái phiếu | 645.480.121 | 68.623.792.631.236 |
| Chứng chỉ quỹ | | |
| | **4.470.873.609** | **142.793.316.440.594** |

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **1.663.031.595.259** | **998.405.442.180** |
| Chứng khoán thương mại | 1.245.202.295.746 | 998.405.442.180 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn khác | 417.829.299.513 | - |
| - *Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn* | *367.829.299.513* | - |
| - *Tiền gửi có kỳ hạn* | *50.000.000.000* | - |
| **Đầu tư tài chính dài hạn** | **9.745.693.643** | **16.345.823.700** |
| Chứng khoán đầu tư | 9.745.693.643 | 16.345.823.700 |
| - *Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn* | *9.745.693.643* | *16.345.823.700* |
| | **1.672.777.288.902** | **1.014.751.265.880** |

### *6.1. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính*

Chi tiết về dự phòng giảm giá chứng khoán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| **Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn** | **279.921.281.464** | **227.338.471.665** |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại | 279.921.281.464 | 227.338.471.665 |
| - *Cổ phiếu niêm yết* | *18.018.696.360* | *27.425.851.067* |
| - *Cổ phiếu trên sàn Upcom* | *16.681.951* | *8.017.091* |
| - *Cổ phiếu chưa niêm yết* | *261.885.903.153* | *199.904.603.507* |
| **Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn** | **-** | **-** |
| | **279.921.281.464** | **227.338.471.665** |

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *6.2. Chi tiết danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

| *Chỉ tiêu* | *Số lượng cổ phiếu* | *Giá trị theo sổ kế toán VND* | *So với giá thị trường* | | *Tổng giá trị theo giá thị trường VND* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Tăng VND* | *Giảm (Trình bày lại) VND* | |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015** | | | | | |
| ***Chứng khoán thương mại*** | ***23.708.049*** | ***1.245.202.295.746*** | ***5.772.467.628*** | ***279.921.281.464*** | ***971.053.481.910*** |
| Cổ phiếu niêm yết | 7.566.094 | 195.655.608.933 | 5.765.704.627 | 18.018.696.360 | 183.402.617.200 |
| Cổ phiếu trên sàn UPCOM | 4.528 | 46.227.940 | 6.545.311 | 16.681.951 | 36.091.300 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 9.649.093 | 360.319.797.263 | 217.690 | 261.885.903.153 | 98.434.111.800 |
| Trái phiếu | 6.488.334 | 689.180.661.610 | - | - | 689.180.661.610 |
| ***Đầu tư ngắn hạn khác*** | ***65.175*** | ***417.829.299.513*** | ***-*** | ***-*** | ***417.829.299.513*** |
| Trái phiếu | 65.175 | 367.829.299.513 | - | - | 367.829.299.513 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | - | 50.000.000.000 | - | - | 50.000.000.000 |
| ***Chứng khoán đầu tư dài hạn khác*** | ***96.554*** | ***9.745.693.643*** | ***-*** | ***-*** | ***9.745.693.643*** |
| Trái phiếu | 96.554 | 9.745.693.643 | - | - | 9.745.693.643 |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014** | **23.869.778** | **1.672.777.288.902** | **5.772.467.628** | **279.921.281.464** | **1.398.628.475.066** |
| ***Chứng khoán thương mại*** | ***18.112.789*** | ***998.405.442.180*** | ***10.343.068.385*** | ***227.338.471.665*** | ***781.410.038.900*** |
| Cổ phiếu niêm yết | 5.868.170 | 165.873.425.182 | 10.336.976.585 | 27.425.851.067 | 148.784.550.700 |
| Cổ phiếu trên sàn UPCOM | 3.424 | 33.955.991 | 6.091.800 | 8.017.091 | 32.030.700 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 10.240.955 | 370.480.561.007 | - | 199.904.603.507 | 170.575.957.500 |
| Trái phiếu | 2.000.240 | 462.017.500.000 | - | - | 462.017.500.000 |
| ***Chứng khoán đầu tư dài hạn khác*** | ***161.374*** | ***16.345.823.700*** | ***-*** | ***-*** | ***16.345.823.700*** |
| Cổ phiếu | - | - | - | - | - |
| Trái phiếu | 161.374 | 16.345.823.700 | - | - | 16.345.823.700 |
| | **18.274.163** | **1.014.751.265.880** | **10.343.068.385** | **227.338.471.665** | **797.755.862.600** |

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.3. Chi tiết dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| *Chứng khoán* | *Số lượng* | *Giá trị ghi sổ VND* | *Giảm giá so với giá thị trường* | | *Tổng giá trị thị trường VND* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | *Tại ngày 31/12/2015 VND* | *Tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại) VND* | |
| **Cổ phiếu niêm yết** | | | | | |
| PVS | 900.222 | 22.044.113.122 | (7.010.405.722) | (9.589.618) | 15.033.707.400 |
| PGS | 500.196 | 11.509.667.530 | (2.756.237.530) | - | 8.753.430.000 |
| CTG | 800.105 | 17.230.875.466 | (2.348.922.466) | (220.461) | 14.881.953.000 |
| DPM | 570.008 | 18.565.633.825 | (1.978.401.025) | (36.665) | 16.587.232.800 |
| HPG | 600.042 | 18.948.796.801 | (1.427.570.401) | - | 17.521.226.400 |
| SPP | 85.297 | 2.359.547.660 | (1.387.161.860) | (21.089.672.562) | 972.385.800 |
| KBC | 240.024 | 3.738.301.180 | (593.986.780) | - | 3.144.314.400 |
| VCG | 80.157 | 1.169.028.609 | (263.254.509) | - | 905.774.100 |
| BCC | 620.455 | 8.516.047.462 | (201.950.462) | - | 8.314.097.000 |
| Khác | 8.103 | 137.056.105 | (50.805.605) | (6.326.331.761) | 86.250.500 |
| | **4.404.609** | **104.219.067.760** | **(18.018.696.360)** | **(27.425.851.067)** | **86.200.371.400** |
| **Cổ phiếu trên sàn UPCOM và cổ phiếu chưa niêm yết** | | | | | |
| PHVU | 1.923.027 | 58.063.615.500 | (38.833.345.500) | (38.833.345.500) | 19.230.270.000 |
| THC | 7.499.900 | 299.996.000.000 | (222.994.526.700) | (155.247.930.000) | 77.001.473.300 |
| Khác | 9.004 | 83.381.104 | (74.712.904) | (5.831.345.098) | 8.668.200 |
| | **9.431.931** | **358.142.996.604** | **(261.902.585.104)** | **(199.912.620.598)** | **96.240.411.500** |
| | **13.836.540** | **462.362.064.364** | **(279.921.281.464)** | **(227.338.471.665)** | **182.440.782.900** |

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| **Phải thu của khách hàng** | **6.248.363.841** | **5.906.144.087** |
| **Trả trước cho người bán** | **245.000.000** | **43.697.500** |
| **Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán** | **644.183.177.258** | **595.211.081.429** |
| - Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh | 3.107.420.000 | 19.981.409.000 |
| - Phải thu khách hàng về phí giao dịch tiền gửi | 611.402.460 | 572.104.697 |
| - Phải thu khách hàng về giao dịch margin và hoạt động ứng trước tiền gửi | 618.346.538.678 | 551.618.830.035 |
| - Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán khác | 22.117.816.120 | 23.038.737.697 |
| **Phải thu khác** | **5.885.914.204** | **4.255.311.858** |
| - Dự thu lãi từ hoạt động tài chính | 5.584.966.158 | 3.028.536.619 |
| - Dự thu lãi từ tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | - | 851.734.290 |
| - Các khoản phải thu khác | 300.948.046 | 375.040.949 |
| **Tổng cộng các khoản phải thu** | **656.562.455.303** | **605.416.234.874** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (12.914.331.022) | (12.828.027.866) |
| | **643.648.124.281** | **592.588.207.008** |

## 8. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| Số dư đầu năm | 12.828.027.866 | 28.235.354.561 |
| Số sử dụng và hoàn nhập trong năm | (17.017.433.012) | (16.837.726.695) |
| Số trích lập trong năm | 17.103.736.168 | 1.430.400.000 |
| **Số dư cuối năm** | **12.914.331.022** | **12.828.027.866** |

## 9. HÀNG TỒN KHO

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu | 14.157.920 | 16.019.524 |
| Công cụ, dụng cụ | 8.737.915 | 8.737.915 |
| | **22.895.835** | **24.757.439** |

## 10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Tạm ứng | 20.000.000 | 39.450.000 |
| Cầm cố ký cược, ký quỹ | 750.922.000 | 689.199.000 |
| | **770.922.000** | **728.649.000** |

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### *11.1 Tài sản cố định hữu hình*

| | *Máy móc thiết bị VND* | *Phương tiện vận tải VND* | *Tài sản cố định khác VND* | *Tổng cộng VND* |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 10.092.644.230 | 1.004.312.257 | 310.885.780 | 11.407.842.267 |
| Mua trong năm | 3.452.226.140 | - | 266.061.400 | 3.718.287.540 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13.544.870.370 | 1.004.312.257 | 576.947.180 | 15.126.129.807 |
| **Giá trị khấu hao lũy kế:** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 8.412.821.561 | 929.440.172 | 264.592.689 | 9.606.854.422 |
| Tăng trong năm | 716.850.456 | 28.634.472 | 48.259.943 | 793.744.871 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 9.129.672.017 | 958.074.644 | 312.852.632 | 10.400.599.293 |
| **Giá trị còn lại:** | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 1.679.822.669 | 74.872.085 | 46.293.091 | 1.800.987.845 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 4.415.198.353 | 46.237.613 | 264.094.548 | 4.725.530.514 |

### *11.2 Tài sản cố định vô hình*

| | *Tài sản vô hình khác VND* |
|---|---|
| **Nguyên giá** | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2015 *(Trình bày lại)* | 1.437.980.000 |
| Mua trong năm | 500.000.000 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 1.937.980.000 |
| **Giá trị hao mòn lũy kế:** | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2015 *(Trình bày lại)* | 939.167.560 |
| Tăng trong năm | 66.712.774 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 1.005.880.334 |
| **Giá trị còn lại:** | |
| Ngày 01 tháng 01 năm 2015 *(Trình bày lại)* | 498.812.440 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 932.099.666 |

## 12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | 11.745.727.262 | 10.097.461.552 |
| Tiền lãi phân bổ | 6.542.540.002 | 4.668.305.845 |
| | **18.408.267.264** | **14.885.767.397** |

## 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Khoản vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga | 380.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex | 243.600.000.000 | 34.000.000.000 |
| | **623.600.000.000** | **234.000.000.000** |

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 774.595.960 | 2.133.730.820 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 307.296.208 | 292.209.043 |
| Các loại thuế khác | 1.904.981.257 | 2.466.794.476 |
| | **2.986.873.425** | **4.892.734.339** |

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

*Đơn vị: VND*

| STT | Chỉ tiêu | Số dư đầu năm | Số phát sinh tăng | Số phát sinh giảm | Số dư cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thuế** | | | | |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 2.133.730.820 | 9.090.257.469 | (10.449.392.329) | 774.595.960 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - |
| 3 | Thuế thu nhập cá nhân | 292.209.043 | 3.398.342.930 | (3.383.255.765) | 307.296.208 |
| 4 | Các loại thuế khác | 2.466.794.476 | 24.447.657.948 | (25.009.471.167) | 1.904.981.257 |
| | *Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán nộp hộ nhà đầu tư* | *2.337.894.476* | *22.731.709.639* | *(23.347.787.527)* | *1.721.816.588* |
| | *Thuế môn bài* | *-* | *4.000.000* | *(4.000.000)* | *-* |
| | *Thuế nhà thầu* | *128.900.000* | *1.711.948.309* | *(1.657.683.640)* | 183.164.669 |
| | | **4.892.734.339** | **36.936.258.347** | **(38.842.119.261)** | **2.986.873.425** |

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*** *(tiếp theo)*

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

| | | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|---|
| **1.** | **Lãi trước thuế TNDN** | **101.490.562.974** | **75.677.306.366** |
| | Các khoản mục điều chỉnh: | | |
| | ***Trừ:*** Thu nhập từ cổ tức | (6.893.066.790) | (7.442.881.568) |
| | Hoàn nhập chi phí không được trừ năm trước | (16.118.636.217) | - |
| | Chuyển lỗ của những năm trước (*) | (84.537.307.553) | (70.664.202.782) |
| | ***Cộng:*** Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế | 6.058.447.586 | 2.429.777.984 |
| **2.** | **Thu nhập chịu thuế** | **-** | **-** |
| **3.** | **Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành** | **-** | **-** |
| | | **-** | **-** |
| **4.** | **Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | - | - |
| | Thuế TNDN phải nộp phải thu năm trước | - | - |
| | Thuế TNDN đã nộp trong năm | **-** | **-** |
| **5.** | **Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối năm** | | |

(*) Chuyển lỗ của những năm trước:

Theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)*

Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 80.411.202.913 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| *Năm tài chính* | *Lỗ tính thuế phát sinh trong năm* VND | *Đã chuyển lỗ trong năm* VND | *Số còn được chuyển lỗ tính đến cuối năm* VND |
|---|---|---|---|
| Năm 2010 | 7.773.084.547 | - | 180.635.801.770 |
| Năm 2011 | 227.839.628.701 | - | 408.475.430.471 |
| Năm 2012 | - | 6.609.891.324 | 401.865.539.147 |
| Năm 2013 | - | 29.289.135.675 | 235.612.713.248 |
| Năm 2014 | - | 70.664.202.782 | 164.948.510.466 |
| Năm 2015 (*) | - | 84.537.307.553 | 80.411.202.913 |

(*): Số còn được chuyển lỗ sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm khoản chuyển lỗ của năm 2011 là 80.411.202.913 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nghĩa vụ thuế cũng như lỗ tính thuế ước tính của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán.

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* VND | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* VND |
|---|---|---|
| Phải trả quỹ lương | 1.662.948.345 | 984.772.385 |
| Dự chi lương hiệu suất năm | 9.636.241.321 | 8.380.000.000 |
| | **11.299.189.666** | **9.364.772.385** |

## 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* VND | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* VND |
|---|---|---|
| Lãi dự trả cho các hợp đồng vay | 178.240.000 | 431.044.444 |
| Phải trả khác | 130.986.620 | 79.270.000 |
| | **309.226.620** | **510.314.444** |

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Bảo hiểm xã hội | - | 819.000 |
| Bảo hiểm y tế | 306.823 | 141.750 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 63.000 |
| Kinh phí công đoàn | 460.712.090 | 19.725.369 |
| Các khoản đặt cọc IPO, mua chứng khoán | 1.036.400.000 | 50.474.623.288 |
| Phải trả phải nộp khác | 225.948.784 | 1.175.516.777 |
| | **1.723.367.697** | **51.670.889.184** |

## 18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán về chứng khoán tự doanh và phí giao dịch chứng khoán | 56.935.252.031 | 8.320.979.317 |
| Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 590.554.260 | 439.201.360 |
| Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh 4) | 156.828.160.063 | 116.838.917.604 |
| Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán tiền mua chứng khoán | 92.573.145.946 | 241.655.539.064 |
| Phải trả tổ chức phát hành cổ phiếu | 164.564.612 | 3.433.295.612 |
| Phải trả khác | 2.251.455.431 | 1.654.364.622 |
| | **309.343.132.343** | **372.342.297.579** |

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | *Vốn đầu tư của chủ sở hữu* *VND* | *Thặng dư vốn cổ phần* *VND* | *Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)* *VND* | *Quỹ dự phòng tài chính* *VND* | *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* *VND* | *Tổng cộng* *VND* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015** *(Trình bày lại)* | **865.000.000.000** | **241.713.457** | **(97.334.908.457)** | **-** | **-** | **767.906.805.000** |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 101.490.562.974 | - | - | 101.490.562.974 |
| Thù lao và phụ cấp cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | (262.000.000) | - | - | (262.000.000) |
| Trích quỹ trong năm | - | - | (415.565.452) | 207.782.726 | 207.782.726 | - |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015** | **865.000.000.000** | **241.713.457** | **3.478.089.065** | **207.782.726** | **207.782.726** | **869.135.367.974** |

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

| | *Số lượng cổ phần* *Đơn vị* | *Giá trị* *VND* | *Tỷ lệ sở hữu* *%* |
|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) | 76.225.330 | 762.253.300.000 | 88,12 |
| Các cổ đông khác | 10.274.670 | 102.746.700.000 | 11,88 |
| | **86.500.000** | **865.000.000.000** | **100** |

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Đơn vị* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Đơn vị* |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành | 86.500.000 | 86.500.000 |
| *Cổ phiếu thường* | *86.500.000* | *86.500.000* |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ | 86.500.000 | 86.500.000 |
| *Cổ phiếu thường* | *86.500.000* | *86.500.000* |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| *Cổ phiếu thường* | - | - |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 86.500.000 | 86.500.000 |
| *Cổ phiếu thường* | *86.500.000* | *86.500.000* |
| *Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |

## 20. DOANH THU

| | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| **Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán** | **465.288.302.248** | **531.113.434.438** |
| Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư | 108.286.654.674 | 113.909.386.241 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 85.407.365.392 | 150.614.782.487 |
| Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | 30.188.469.484 | 41.095.686.550 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 60.279.829.904 | 48.268.280.941 |
| Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho người đầu tư | 9.378.254.036 | 6.297.646.625 |
| Doanh thu khác | 169.347.728.758 | 168.527.651.594 |
| - *Thu lãi tiền gửi* | *85.717.861.587* | *114.669.489.584* |
| - *Doanh thu hoạt động ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán* | *83.628.089.199* | *53.856.592.990* |
| - *Các khoản thu khác* | *1.777.972* | *1.569.020* |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | **-** | **-** |
| **Doanh thu thuần** | **465.288.302.248** | **531.113.434.438** |

## 21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| **Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán** | **301.352.314.841** | **316.905.454.652** |
| Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư | 64.270.592.825 | 65.043.106.361 |
| Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư | 6.295.093.575 | 4.565.947.232 |
| Lỗ tự doanh chứng khoán | 31.831.819.781 | 49.576.634.415 |
| Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 7.024.446.536 | - |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 13.815.782.672 | 24.162.151.909 |
| Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán | 101.210.441.767 | 104.842.018.665 |
| Chi phí trực tiếp chung về hoạt động kinh doanh | 76.904.137.685 | 68.715.596.070 |
| Trong đó: | | |
| - *Chi phí nhân viên* | *39.571.617.396* | *34.409.617.762* |
| - *Chi phí vật tư, đồ dùng* | *2.105.352.191* | *2.417.023.820* |
| - *Chi phí khấu hao tài sản cố định* | *832.713.401* | *881.189.508* |
| - *Chi phí thuê văn phòng* | *12.798.393.484* | *12.273.078.262* |
| - *Chi phí dịch vụ mua ngoài* | *20.681.362.315* | *17.589.633.336* |
| - *Chi phí khác* | *914.698.898* | *1.145.053.382* |
| **Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán** | **52.582.809.799** | **147.460.356.219** |
| | **353.935.124.640** | **464.365.810.871** |

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại) VND* |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 5.855.398.982 | 2.352.886.351 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 131.315.820 | 156.230.201 |
| Chi công cụ, đồ dùng văn phòng | - | 148.890.273 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 27.744.244 | 39.479.469 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.292.470.155 | 2.275.506.775 |
| Thuế, phí và lệ phí | 69.342.455 | 61.371.410 |
| Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 86.303.156 | (15.034.851.027) |
| Chi phí khác bằng tiền | 888.918.225 | 889.408.402 |
| | **9.351.493.037** | **(9.111.078.146)** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### *23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* |
|---|---|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển ViệtNam (BIDV) | Ngân hàng mẹ |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC) | Công ty con của BIDV |
| Công ty Liên doanh Tháp BIDV | Công ty liên doanh với BIDV |
| Ngân hàng Lào Việt | Công ty con của BIDV |

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| | | *Thu nhập/(Chi phí)* | |
|---|---|---|---|
| *Bên liên quan* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (VND)* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014* |
| Ngân hàng mẹ | Thu lãi tiền gửi | 4.682.464.557 | 3.116.886.039 |
| | Thu lãi trái phiếu | 941.710.083 | 993.422.500 |
| | Thu phí dịch vụ | 34.155.210.540 | 44.044.000.000 |
| | Chi phí dịch vụ | (73.368.765.341) | (87.892.712.566) |
| | Phụ trội trái phiếu | (53.450.120) | (53.450.121) |
| Công ty con của BIDV | Thu phí môi giới chứng khoán | 220.878.905 | 161.741.236 |
| Công ty Liên danh với BIDV | Chi phí thuê văn phòng | (12.033.008.593) | (11.683.087.204) |

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

| | | *Phải thu/(phải trả)* | |
|---|---|---|---|
| *Công ty liên quan* | *Các giao dịch* | *Ngày 31/12/2015 VND* | *Ngày 31/12/2014 VND* |
| Ngân hàng mẹ | Tiền gửi thanh toán | 115.228.763.221 | 268.183.148.610 |
| | Tiền gửi có kỳ hạn | - | 30.000.000.000 |
| | Đầu tư vào trái phiếu | 9.680.501.420 | 9.733.951.540 |
| | Đầu tư vào cổ phiếu | 35.274.690 | 3.655.980 |
| | Dự thu lãi trái phiếu | 615.105.430 | 615.105.430 |
| | Phải trả chi phí dịch vụ | (262.336.815) | (500.229.601) |
| Công ty Liên doanh với BIDV | Đặt cọc thuê văn phòng | 2.891.650.104 | 2.668.063.104 |
| | Phải trả tiền điện nước | (55.761.103) | (45.614.549) |
| Công ty con của BIDV | Đầu tư vào cổ phiếu | 154.920 | 154.920 |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

| | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND* |
|---|---|---|
| Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (*) | 5.341.331.325 | 3.480.745.362 |
| | **5.341.331.325** | **3.480.745.362** |

(*) Trong đó, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được chuyển về BIDV do các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát làm đại diện phần vốn của BIDV tại BSC.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.2 Thông tin báo cáo bộ phận*

*Đơn vị: VND*

| | *Môi giới và dịch vụ khách hàng* | *Tự doanh* | *Tư vấn tài chính* | *Các bộ phận khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|
| **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015** | | | | | |
| 1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán | 117.664.908.710 | 85.407.365.392 | 60.279.829.904 | 201.936.198.242 | 465.288.302.248 |
| 2. Các chi phí trực tiếp | 70.565.686.400 | 84.414.629.580 | 13.815.782.672 | 108.234.888.303 | 277.030.986.955 |
| 3. Khấu hao và các chi phí phân bổ (*) | 21.812.843.490 | 15.832.906.468 | 11.174.737.734 | 37.435.143.030 | 86.255.630.722 |
| **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế** | **25.286.378.820** | **(14.840.170.656)** | **35.289.309.498** | **56.266.166.909** | **102.001.684.571** |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015** | | | | | |
| **1. Tài sản bộ phận** | **788.314.257.768** | **1.348.003.473.596** | **6.031.112.372** | **60.437.500.000** | **2.202.786.343.736** |
| - Tiền và tương đương tiền | 156.828.160.063 | - | - | 10.000.000.000 | 166.828.160.063 |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | - | 1.613.031.595.259 | - | 50.000.000.000 | 1.663.031.595.259 |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | - | (279.921.281.464) | - | - | (279.921.281.464) |
| - Phải thu khách hàng | 39.639.096 | - | 6.208.724.745 | - | 6.248.363.841 |
| - Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 644.183.177.258 | - | - | - | 644.183.177.258 |
| - Phảithu khác | - | 5.147.466.158 | - | 437.500.000 | 5.584.966.158 |
| - Dự phòng phải thu khó đòi | (12.736.718.649) | - | (177.612.373) | | (12.914.331.022) |
| - Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư tài chính dài hạn | - | 9.745.693.643 | - | - | 9.745.693.643 |
| **2. Tài sản phân bổ (*)** | **47.636.969.405** | **34.577.412.217** | **24.404.458.766** | **81.754.438.113** | **188.373.278.501** |
| - Tiền và tương đương tiền | 40.232.957.466 | 29.203.191.816 | 20.611.377.335 | 69.047.692.840 | 159.095.219.457 |
| - Trả trước cho người bán | 61.957.076 | 44.971.697 | 31.740.661 | 106.330.566 | 245.000.000 |
| - Phảithu khác | 76.105.555 | 55.241.405 | 38.988.939 | 130.612.147 | 300.948.046 |
| - Hàng tồn kho | 5.790.037 | 4.202.712 | 2.966.241 | 9.936.845 | 22.895.835 |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 194.955.399 | 141.508.859 | 99.875.812 | 334.581.930 | 770.922.000 |
| - Tài sản cố định | 1.430.735.601 | 1.038.502.979 | 732.967.030 | 2.455.424.570 | 5.657.630.180 |
| - Tài sản dài hạn khác | 5.634.468.271 | 4.089.792.749 | 2.886.542.748 | 9.669.859.215 | 22.280.662.983 |
| **3. Tài sản không phân bổ** | - | - | - | - | - |
| **Tổng tài sản** | **835.951.227.173** | **1.382.580.885.813** | **30.435.571.138** | **142.191.938.113** | **2.391.159.622.237** |

(*) Chi phí, tài sản và nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)*

*Đơn vị: VND*

| | *Môi giới và dịch vụ khách hàng* | *Tự doanh* | *Tư vấn tài chính* | *Các bộ phận khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015** | | | | | |
| **1. Nợ phải trả bộ phận** | **334.183.154.322** | **-** | **2.381.434.166** | **1.170.774.779.174** | **1.507.339.367.662** |
| - Người mua trả tiền trước | - | - | 1.454.338.206 | - | 1.454.338.206 |
| - Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 309.343.132.343 | - | - | - | 309.343.132.343 |
| - Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 22.051.140.722 | - | - | - | 22.051.140.722 |
| - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 1.904.981.257 | - | 774.595.960 | - | 2.679.577.217 |
| - Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | - | - | - | 546.996.539.174 | 546.996.539.174 |
| - Chi phí phải trả | - | - | - | 178.240.000 | 178.240.000 |
| -. Vay và nợ ngắn hạn | - | - | - | 623.600.000.000 | 623.600.000.000 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 883.900.000 | - | 152.500.000 | - | 1.036.400.000 |
| **2. Nợ phải trả phân bổ (*)** | **3.713.602.584** | **2.695.527.633** | **1.902.481.671** | **6.373.274.713** | **14.684.886.601** |
| - Phải trả người bán | 571.635.305 | 414.922.902 | 292.849.239 | 981.038.964 | 2.260.446.410 |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 77.710.916 | 56.406.661 | 39.811.367 | 133.367.264 | 307.296.208 |
| - Chi phí phải trả | 33.124.686 | 24.043.635 | 16.969.804 | 56.848.495 | 130.986.620 |
| - Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | 173.724.529 | 126.098.380 | 88.999.220 | 298.145.568 | 686.967.697 |
| - Phải trả người lao động | 2.857.407.148 | 2.074.056.055 | 1.463.852.041 | 4.903.874.422 | 11.299.189.666 |
| **3. Nợ phải trả không phân bổ** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **Tổng nợ phải trả** | **337.896.756.906** | **2.695.527.633** | **4.283.915.837** | **1.177.148.053.887** | **1.522.024.254.263** |

(*) Chi phí, tài sản và nợ phải trả được phân bổ cho từng bộ phận theo tỷ lệ đóng góp của bộ phận đó trong tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 23.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

*Đơn vị: VND*

| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 12.387.480.000 | 11.745.934.200 |
| Trên 1 - 5 năm | 39.271.050.000 | 530.179.650 |
| | **51.658.530.000** | **12.276.113.850** |

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 23.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

| | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)* |
|---|---|---|
| Lãi sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND | 101.490.562.974 | 75.677.306.366 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – đơn vị | 86.500.000 | 86.500.000 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND | 1.173 | 875 |

### 23.5 Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong hoạt động kinh doanh thông thường.

Với mục tiêu trở thành một công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu trên sàn UPCOM của Công ty là 183.438.708.500 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm đi khoảng 15.874.919.517 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lãi của Công ty sẽ tăng lên khoảng 7.665.176.900 VND.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Các công cụ tài chính khác*

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ khoản phải thu bị suy giảm như được trình bày dưới đây:

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

***Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)*

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

| | | *Quá hạn nhưng không bị suy giảm* | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ngày 31 tháng 12 năm 2015** | *Không quá hạn và không bị suy giảm* | *Dưới 3 tháng* | *3 – 6 tháng* | *6 – 12 tháng* | *Trên 1 năm* | *Bị suy giảm giá trị* | *Tổng cộng* |
| **Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định** | **1.120.878.100.935** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **1.120.878.100.935** |
| Giữ đến ngày đáo hạn – Chứng khoán Nợ | 381.297.439.325 | - | - | - | - | - | 381.297.439.325 |
| Nắm giữ để kinh doanh – Chứng khoán Nợ | 689.180.661.610 | - | - | - | - | - | 689.180.661.610 |
| Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi | 50.400.000.000 | - | - | - | - | - | 50.400.000.000 |
| **Tài sản tài chính khác** | **643.241.509.209** | **-** | **-** | **-** | **-** | **9.600.150.504** | **652.841.659.713** |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*) | 613.486.062.699 | - | - | - | - | 9.292.925.759 | 622.778.988.458 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | 3.642.572.104 | - | - | - | - | - | 3.642.572.104 |
| Phải thu khác (*) | 26.112.874.406 | - | - | - | - | 307.224.745 | 26.420.099.151 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.764.119.610.144** | **-** | **-** | **-** | **-** | **9.600.150.504** | **1.773.719.760.648** |

*(*): không bao gồm dự phòng rủi ro, đã khấu trừ giá trị tài sản đảm bảo*

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.5. Chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*

***Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)*

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

*Đơn vị tính: VND*

| | *Quá hạn* | *Không kỳ hạn* | *Đến 01 năm* | *Từ 01 – 05 năm* | *Trên 05 năm* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **31 tháng 12 năm 2015** | | | | | | |
| **TÀI SẢN TÀI CHÍNH** | | | | | | |
| **Đầu tư kỳ hạn cố định** | **-** | **-** | **1.110.354.054.898** | **7.145.335.747** | **3.378.710.290** | **1.120.878.100.935** |
| Giữ đến ngày đáo hạn – Chứng khoán Nợ (*) | - | - | 370.773.393.288 | 7.145.335.747 | 3.378.710.290 | 381.297.439.325 |
| Nắm giữ để kinh doanh – Chứng khoán Nợ (*) | - | - | 689.180.661.610 | - | - | 689.180.661.610 |
| Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi | - | - | 50.400.000.000 | - | - | 50.400.000.000 |
| **Đầu tư vốn** | **-** | **276.100.352.672** | **-** | **-** | **-** | **276.100.352.672** |
| Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (*) | - | 276.100.352.672 | - | - | - | 276.100.352.672 |
| **Tài sản tài chính khác** | **-** | **-** | **661.331.517.491** | **-** | **-** | **661.331.517.491** |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*) | - | - | 631.446.458.609 | - | - | 631.446.458.609 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | - | - | 3.642.572.104 | - | - | 3.642.572.104 |
| Phải thu khác (*) | - | - | 26.242.486.778 | - | - | 26.242.486.778 |
| **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **-** | **315.923.379.520** | **10.000.000.000** | **-** | **-** | **325.923.379.520** |
| **TỔNG CỘNG** | **-** | **592.023.732.192** | **1.781.685.572.389** | **7.145.335.747** | **3.378.710.290** | **2.384.233.350.618** |
| **NỢ TÀI CHÍNH** | | | | | | |
| *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ* | | | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - | 1.170.774.779.174 | - | - | 1.170.774.779.174 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | - | - | 331.394.273.065 | - | - | 331.394.273.065 |
| Phải trả, phải nộp khác | - | - | 16.407.309.686 | - | - | 16.407.309.686 |
| **TỔNG CỘNG** | **-** | **-** | **1.518.576.361.925** | **-** | **-** | **1.518.576.361.925** |
| **Mức chênh lệch thanh khoản ròng** | **-** | **592.023.732.192** | **263.109.210.464** | **7.145.335.747** | **3.378.710.290** | **865.656.988.693** |

*(*): đã bao gồm dự phòng rủi ro*

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.6. Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210*

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

***Tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và chưa được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành một trong các loại sau:

- ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

  Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

     - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
     - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
     - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

  b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

  a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

  b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

  c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)*

***Tài sản tài chính (tiếp theo)***

- ***Các khoản cho vay và phải thu:***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

  a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

  b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

  c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- ***Tài sản sẵn sàng để bán:***

  Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

  a) các khoản cho vay và các khoản phải thu;

  b) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

  c) các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ***Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

  Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

  b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)*

***Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)***

- ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

***Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

***Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính***

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch hoặc dựa trên ít nhất ba (03) báo giá từ các công ty chứng khoán lớn và có uy tín. Trong trường hợp không có ít nhất ba bao giá, Công ty dựa trên các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường hoặc dựa vào khả năng tài chính của đối tác để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

*Đơn vị tính: VND*

| | *Giá trị ghi sổ* | | | | *Giá trị hợp lý* | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* | | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
| | *Giá gốc* | *Dự phòng* | *Giá gốc* | *Dự phòng* | | |
| **Tài sản tài chính** | | | | | | |
| Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh | 1.295.602.295.746 | (279.921.281.464) | 998.405.442.180 | (227.338.471.665) | N/A | N/A |
| - *Cổ phiếu niêm yết* | *195.655.608.933* | *(18.018.696.360)* | *165.873.425.182* | *(27.425.851.067)* | *183.402.617.200* | *148.784.550.700* |
| - *Cổ phiếu trên sàn Upcom* | *46.227.940* | *(16.681.951)* | *33.955.991* | *(8.017.091)* | *36.091.300* | *32.030.700* |
| - *Cổ phiếu chưa niêm yết* | *360.319.797.263* | *(261.885.903.153)* | *370.480.561.007* | *(199.904.603.507)* | *98.434.111.800* | *170.602.147.500* |
| - *Trái phiếu (*)* | *689.180.661.610* | - | *462.017.500.000* | - | *N/A* | *N/A* |
| - *Hợp đồng tiền gửi* | *50.400.000.000* | - | - | - | *50.400.000.000* | - |
| Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán | 381.297.439.325 | - | 17.538.571.228 | - | N/A | N/A |
| - *Trái phiếu(*)* | *381.297.439.325* | | *17.538.571.228* | - | *N/A* | *N/A* |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 644.183.177.258 | (12.736.718.649) | 595.211.081.429 | (8.413.527.866) | 631.446.458.609 | 586.797.553.563 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược | 3.642.572.104 | - | 3.662.572.104 | - | N/A | N/A |
| Phải thu khác | 26.420.099.151 | (177.612.373) | 23.854.475.812 | (4.414.500.000) | N/A | N/A |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 325.923.379.520 | - | 442.321.779.588 | - | 325.923.379.520 | 442.321.779.588 |
| **Tổng cộng tài sản tài chính** | **2.677.068.963.104** | **(292.835.612.486)** | **2.080.993.922.341** | **(240.166.499.531)** | **N/A** | **N/A** |

*(*) Không có đủ thông tin để xác định giá thị trường của trái phiếu nên các trái phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.*

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.6 Thuyết minh bổ sung tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư 210 (tiếp theo)*

*Đơn vị tính: VND*

| | *Giá trị ghi sổ* | | *Giá trị hợp lý* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2015* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* |
| **Nợ phải trả tài chính** | | | | |
| Vay và nợ ngắn hạn | 1.170.774.779.174 | 627.387.603.968 | 1.170.774.779.174 | 627.387.603.968 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | 331.394.273.065 | 378.265.288.546 | N/A | N/A |
| Phải trả phải nộp khác | 16.407.309.686 | 64.355.367.064 | N/A | N/A |
| **Tổng cộng nợ phải trả tài chính** | **1.518.576.361.925** | **1.070.008.259.578** | **N/A** | **N/A** |

N/A: Không thể xác định được giá trị hợp lý do không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này và các quy định có liên quan.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ*

Trong năm 2015, Kiểm toán Nhà Nước ("KTNN") đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 396/QĐ-KTNN ngày 03 tháng 04 năm 2015 của Tổng Kiểm toán Nhà nước.

Theo Báo cáo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước ngày 04 tháng 08 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh và trình bày lại một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)*

***Trích từ bảng cân đối kế toán***

*Đơn vị: VND*

| *TÀI SẢN* | *Diễn giải* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* | *Điều chỉnh của KTNN* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **1.806.525.733.362** | **204.630.188** | **1.806.730.363.550** |
| ***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*** | | ***771.093.160.515*** | ***(26.190.000)*** | ***771.066.970.515*** |
| 1. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | [1] | (227.312.281.665) | (26.190.000) | (227.338.471.665) |
| ***III. Các khoản phải thu*** | | ***592.357.386.820*** | ***230.820.188*** | ***592.588.207.008*** |
| 1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng | [1] | **595.921.551.087** | **(710.469.658)** | ***595.211.081.429*** |
| 2. Các khoản phải thu khác | [1] | 3.112.522.012 | 1.142.789.846 | 4.255.311.858 |
| 3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | [1] | (12.626.527.866) | (201.500.000) | (12.828.027.866) |
| **C. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **36.005.952.046** | **498.812.440** | **36.504.764.486** |
| ***I. Tài sản cố định*** | | ***1.800.987.845*** | ***498.812.440*** | ***2.299.800.285*** |
| 1. Tài sản cố định vô hình | [1] | - | 498.812.440 | 498.812.440 |
| Nguyên giá | | *921.400.000* | *516.580.000* | *1.437.980.000* |
| Giá trị hao mòn luỹ kế | | *(921.400.000)* | *(17.767.560)* | *(939.167.560)* |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | [1] | **1.842.531.685.408** | **703.442.628** | **1.843.235.128.036** |

*Đơn vị: VND*

| *NGUỒN VỐN* | *Diễn giải* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014* | *Điều chỉnh của KTNN* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| ***I. Nợ ngắn hạn*** | | *1.074.921.743.036* | *406.580.000* | *1.075.328.323.036* |
| 1. Phải trả người bán | [2] | *1.615.299.881* | *406.580.000* | *2.021.879.881* |
| 2. Chi phí phải trả | [3] | *1.639.873.968* | *(1.129.559.524)* | *510.314.444* |
| 3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | [3] | *391.827.000.000* | *1.129.559.524* | *392.956.559.524* |
| ***I. Vốn chủ sở hữu*** | **[4]** | ***767.609.942.372*** | ***296.862.628*** | ***767.906.805.000*** |
| 8. Lỗ lũy kế | | **(97.631.771.085)** | **296.862.628** | ***(97.334.908.457)*** |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **1.842.531.685.408** | **703.442.628** | **1.843.235.128.036** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)*

***Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

*Đơn vị: VND*

| *CHỈ TIÊU* | *Diễn giải* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014* | *Điều chỉnh của KTNN* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu** | [5] | **530.681.114.250** | **432.320.188** | **531.113.434.438** |
| *Trong đó:* | | | | |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | | 150.323.726.931 | 291.055.556 | 150.614.782.487 |
| - Doanh thu khác | | 168.386.386.962 | 141.264.632 | 168.527.651.594 |
| **3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh** | | **530.681.114.250** | **432.320.188** | **531.113.434.438** |
| **4. Chi phí hoạt động kinh doanh** | **[6]** | **(464.431.853.311)** | **66.042.440** | **(464.365.810.871)** |
| *Trong đó:* | | | | |
| - Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán | | (316.997.687.092) | 92.232.440 | (316.905.454.652) |
| - Chi phí dự phòng chứng khoán | | (147.434.166.219) | (26.190.000) | (147.460.356.219) |
| **5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh** | | **66.249.260.939** | **498.362.628** | **66.747.623.567** |
| **6. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **[7]** | **9.312.578.146** | **(201.500.000)** | **9.111.078.146** |
| **7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **75.561.839.085** | **296.862.628** | **75.858.701.713** |
| **8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **75.380.443.738** | **296.862.628** | **75.677.306.366** |
| **14. Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **[8]** | **75.380.443.738** | **296.862.628** | **75.677.306.366** |
| **15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | | **871** | **4** | **875** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)*

***Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ***

*Đơn vị: VND*

| *CHỈ TIÊU* | *Diễn giải* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014* | *Điều chỉnh của KTNN* | *Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 2014 (trình bày lại)* |
|---|---|---|---|---|
| **1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **75.380.443.738** | **296.862.628** | **75.677.306.366** |
| **2. Điều chỉnh cho các khoản** | | **3.083.252.338** | **(186.862.628)** | **2.896.389.710** |
| Khấu hao tài sản cố định | [6] | 902.901.417 | 17.767.560 | 920.668.977 |
| Các khoản lập dự phòng | [9] | 132.197.815.192 | 227.690.000 | 132.425.505.192 |
| Lãi lỗ hoạt động đầu tư | [10] | (234.307.596.025) | (432.320.188) | (234.739.916.213) |
| **3. Lỗ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động** | | **78.463.696.076** | **110.000.000** | **78.573.696.076** |
| Tăng các khoản phải thu | [10] | (305.213.907.961) | (432.320.188) | (305.646.228.149) |
| Tăng hàng tồn kho | | | | |
| *Trong đó:* | | | | |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | [2] | 409.330.482.772 | 406.580.000 | 409.737.062.772 |
| **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh** | | **(22.121.784.084)** | **84.259.812** | **(22.037.524.272)** |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | [1] | (1.246.160.000) | (516.580.000) | (1.762.740.000) |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 230.643.134.446 | 432.320.188 | 231.075.454.634 |
| **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(60.694.238.764)** | **(84.259.812)** | **(60.778.498.576)** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)*

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây:

*[1] Tài sản tăng do*

| | *VND* |
|---|---|
| - Tăng dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (26.190.000) |
| - Giảm lãi dự thu cho vay giao dịch ký quỹ | (710.469.658) |
| - Tăng dự thu lãi trái phiếu và quỹ hỗ trợ thanh toán | 1.142.789.846 |
| - Tăng dự phòng phải thu khó đòi | (201.500.000) |
| - Tăng nguyên giá tài sản cố định | 516.580.000 |
| - Tăng giá trị hao mòn tài sản cố định tương ứng | (17.767.560) |
| | **703.442.628** |

*[2] Phải trả người bán tăng do*

| | *VND* |
|---|---|
| - Tăng phải trả người bán liên quan đến việc tăng nguyên giá tài sản cố định | 516.580.000 |
| - Giảm dự chi khác | (110.000.000) |
| | **406.580.000** |

*[3] Phân loại lại dự chi lãi repo sang giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (*)*

| | *VND* |
|---|---|
| - Tăng giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 1.129.559.524 |
| - Giảm chi phí phải trả | (1.129.559.524) |
| | - |

*(*) Theo hướng dẫn của Thông tư 200, Công ty phân loại lại khoản lãi dự chi repo từ chi phí phải trả sang giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ*

*[4] Nguồn vốn tăng do*

| | *VND* |
|---|---|
| - Tăng phải trả người bán liên quan đến việc tăng nguyên giá tài sản cố định | 516.580.000 |
| - Giảm dự chi khác | (110.000.000) |
| - Lỗ lũy kế giảm do điều chỉnh tăng kết quả kinh doanh | 296.862.628 |
| | **703.442.628** |

*[5] Doanh thu tăng do:*

| | *VND* |
|---|---|
| - Tăng doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên quan đến dự thu lãi trái phiếu | 291.055.556 |
| - Tăng doanh thu khác liên quan đến | 141.264.632 |
| • Dự thu quỹ hỗ trợ thanh toán | *851.734.290* |
| • Giảm dự thu lãi cho vay margin | (710.469.658) |
| | **432.320.188** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.7 Trình bày lại số đầu kỳ (tiếp theo)*

Các điều chỉnh trọng yếu được diễn giải dưới đây (tiếp theo):

*[6] Chi phí hoạt động kinh doanh giảm do:* *VND*

| | |
|---|---|
| - Giảm chi phí dịch vụ mua ngoài | 110.000.000 |
| - Tăng chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | (26.190.000) |
| - Tăng chi phí khấu hao tài sản cố định | (17.767.560) |
| | **66.042.440** |

*[7] Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do:* *VND*

| | |
|---|---|
| - Tăng chi phí dự phòng phải thu khó đòi | (201.500.000) |
| | **(201.500.000)** |

*[8] Lợi nhuận tăng do các điều chỉnh về doanh thu, chi phí nêu trên :* *VND*

| | |
|---|---|
| - Doanh thu tăng | 432.320.188 |
| - Chi phí hoạt động kinh doanh giảm | 66.042.440 |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng | (201.500.000) |
| | **296.862.628** |

*[9] Điều chỉnh cho các khoản lập dự phòng* *VND*

| | |
|---|---|
| - Tăng chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | (26.190.000) |
| - Tăng chi phí dự phòng phải thu khó đòi | (201.500.000) |
| | **(227.690.000)** |

*[10] Tăng các khoản phải thu, lãi hoạt động đầu tư do:* *VND*

| | |
|---|---|
| - Tăng dự thu lãi trái phiếu | 291.055.556 |
| - Tăng dự thu khác liên quan đến | 141.264.632 |
| • Dự thu quỹ hỗ trợ thanh toán | *851.734.290* |
| • Giảm dự thu lãi cho vay margin | (710.469.658) |
| | **432.320.188** |

## 23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### *23.8 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kếtoán năm*

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

| Người lập: | Người phê duyệt: | Người phê duyệt: |
|---|---|---|
| Bà Lê Phương Thủy | Bà Trần Ngọc Diệp | Ông Đỗ Huy Hoài |
| Kế toán | Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán | Tổng Giám đốc |

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Vui lòng truy cập vào website
https://www.bsc.com.vn/News/2016/4/15/502683.aspx

Để xem phiên bản
Báo cáo thường niên online 2015